

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2013)

## CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2014)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### 1. Công ty Cổ phần Transimex-Saigon

Địa chỉ: Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại: (84.8) 22202888 Fax: (84.8) 22202889

Website: [www.transimexsaigon.com](http://www.transimexsaigon.com)

#### 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3556 2875 Fax: (84.4) 3556 2874

Website: [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Thị Thu Huế

Điện thoại: (84.8)22202888 Fax: (84.8) 22202889

TP Hồ Chí Minh, tháng ... năm 2014

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON**



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2013)

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG**

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên Trái Phiếu chuyển đổi:</b>             | Trái Phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Transimex-Saigon                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Mã Trái Phiếu:</b>                         | TMSCB2014                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Loại Trái Phiếu:</b>                       | Trái Phiếu chuyển đổi không có đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Thời gian đáo hạn:</b>                     | 02 năm kể từ ngày phát hành                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Lãi suất:</b>                              | 7%/năm                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Kỳ hạn trả lãi:</b>                        | Lãi Trái Phiếu được thanh toán 2 lần:<br>(i) Lần 1 vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái Phiếu.<br>(ii) Lần 2 vào ngày đáo hạn của Trái Phiếu.<br>Lãi phải trả được điều chỉnh theo số dư mệnh giá Trái Phiếu còn lại sau mỗi lần chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu |
| <b>Mệnh giá:</b>                              | 100.000 đồng ( <i>bằng chữ: một trăm nghìn đồng</i> )                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Giá phát hành:</b>                         | 100% mệnh giá                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Tổng số lượng chào bán:</b>                | 1.000.000 (Một triệu) trái phiếu                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Phương thức phát hành:</b>                 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):</b> | 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng                                                                                                                                                                                                                                                    |

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

❖ **Công ty Cổ phần kiểm toán và tư vấn (A&C)**

**Trụ sở chính**

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3827 2295 Fax: (84.8) 3827 2298

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

**Trụ sở chính**

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3556 2875 Fax: (84.4) 3556 2874

## MỤC LỤC

|      |                                                                                                                                                                                                                                                |    |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I.   | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....                                                                                                                                                                                                                        | 5  |
| 1.   | Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                                                                                        | 5  |
| 2.   | Rủi ro về luật pháp .....                                                                                                                                                                                                                      | 5  |
| 3.   | Rủi ro đặc thù ngành.....                                                                                                                                                                                                                      | 6  |
| 4.   | Rủi ro của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng .....                                                                                                                                                                              | 7  |
| 5.   | Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán .....                                                                                                                                                                                 | 8  |
| 6.   | Rủi ro pha loãng.....                                                                                                                                                                                                                          | 8  |
| 7.   | Rủi ro khác .....                                                                                                                                                                                                                              | 9  |
| II.  | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....                                                                                                                                                                          | 10 |
| 1.   | Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Transimex-Saigon .....                                                                                                                                                                                     | 10 |
| 2.   | Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam .....                                                                                                                                                              | 10 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM.....                                                                                                                                                                                                                             | 11 |
| IV.  | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....                                                                                                                                                                                              | 12 |
| 1.   | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                | 12 |
| 1.1  | Thông tin chung .....                                                                                                                                                                                                                          | 12 |
| 1.2  | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                | 13 |
| 2.   | Cơ cấu tổ chức Công ty .....                                                                                                                                                                                                                   | 15 |
| 3.   | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....                                                                                                                                                                                                         | 18 |
| 4.   | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....                                                                                                                         | 20 |
| 4.1. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty .....                                                                                                                                                                             | 20 |
| 4.2. | Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....                                                                                                                                                                                       | 21 |
| 4.3. | Cơ cấu cổ đông.....                                                                                                                                                                                                                            | 21 |
| 5.   | Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành..... | 22 |
| 5.1  | Danh sách những Công ty mẹ .....                                                                                                                                                                                                               | 22 |
| 5.2  | Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                               | 22 |
| 5.3  | Công ty liên doanh – liên kết.....                                                                                                                                                                                                             | 24 |
| 6.   | Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty .....                                                                                                                                                                                             | 26 |
| 7.   | Hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                                                     | 28 |
| 7.1  | Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty .....                                                                                                                                                                                                      | 28 |
| 7.2  | Giá trị, sản lượng dịch vụ qua các năm .....                                                                                                                                                                                                   | 35 |

|       |                                                                                                                        |    |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 7.3   | Trình độ công nghệ .....                                                                                               | 36 |
| 7.4   | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....                                                                  | 37 |
| 7.5   | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ .....                                                                   | 38 |
| 7.6   | Hoạt động Marketing .....                                                                                              | 38 |
| 7.7   | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....                                                    | 39 |
| 7.8   | Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết .....                                                         | 39 |
| 8.    | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất .....                    | 42 |
| 9.    | Chính sách cổ tức .....                                                                                                | 42 |
| 10.   | Tình hình tài chính .....                                                                                              | 42 |
| 10.1  | Các chính sách kế toán .....                                                                                           | 42 |
| 10.2  | Số liệu tài chính cơ bản .....                                                                                         | 44 |
| 11.   | Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....                                                   | 48 |
| 11.1  | Hội đồng quản trị .....                                                                                                | 48 |
| 11.2  | Ban Giám đốc .....                                                                                                     | 57 |
| 11.3  | Ban Kiểm soát .....                                                                                                    | 60 |
| 11.4  | Kế toán trưởng .....                                                                                                   | 63 |
| 12.   | Tài Sản .....                                                                                                          | 64 |
| 13.   | Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 3 năm tới .....                                                                     | 66 |
| 14.   | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....                                                  | 66 |
| 14.1  | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....                                                  | 66 |
| 14.2  | Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                                 | 66 |
| 15.   | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                      | 67 |
| 16.   | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành .....                                            | 67 |
| 17.   | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả trái phiếu chào bán ..... | 67 |
| V.    | TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN .....                                                                                              | 68 |
| VI.   | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....                                                                                                | 77 |
| VII.  | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....                                                      | 79 |
| VIII. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN .....                                                                           | 80 |
| IX.   | PHỤ LỤC .....                                                                                                          | 81 |

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Công ty Cổ phần Transimex-Saigon (gọi tắt là “Transimex-Saigon” hoặc “TMS” hoặc “Công ty”) là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ hậu cần và cảng biển (logistics). Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình sang mảng kinh doanh bất động sản, cụ thể là cho thuê văn phòng. Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Công ty phân bố ở các thành phố lớn từ Bắc vào Nam như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương... Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Năm 2013, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu, nền kinh tế của Việt Nam cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. GDP trong năm ước tính tăng 5,42%, thấp hơn mục tiêu 5,5% đề ra. Lạm phát được kiểm chế ở mức thấp, 6,04%, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây nhờ có những chính sách thắt chặt quản lý tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.<sup>1</sup> Mặt bằng lãi suất đã giảm mạnh từ 17-20% cuối năm 2011 xuống còn 8-13% cuối năm 2013, tính thanh khoản của hệ thống dần được cải thiện, cơ cấu tín dụng chuyển biến tích cực.<sup>2</sup> Tuy nhiên đi kèm với đó là tổng cầu sụt giảm mạnh, khiến tăng trưởng thấp, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Hàng tồn kho luôn ở mức cao, cộng với việc thiếu vốn và năng lực quản lý kém đã khiến nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc phá sản. Chỉ riêng trong năm 2013, số doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước.

Bước sang năm 2014, tăng trưởng GDP tăng ổn định qua các quý (quý II đạt 5,25%, cao hơn mức 5,09% của quý I); 6 tháng đạt 5,18%, cao hơn mức 4,9% của cùng kỳ 2013); giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng 1,38% so với tháng 12/2013, thấp nhất trong 13 năm qua. Mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ giá, thị trường ngoại hối cơ bản ổn định. Xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng cao, tiếp tục có xuất siêu; cán cân thanh toán thặng dư.<sup>3</sup>

Thông thường, những diễn biến chung của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế. Giao nhận vận chuyển hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hàng hải có liên quan là một trong các khâu tạo điều kiện cho hàng hóa được thông thương trên thị trường, phục vụ cho nhiều ngành nghề khác nhau đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Những thay đổi tích cực của kinh tế vĩ mô và tình hình thị trường xuất nhập khẩu đã mang lại những tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này trong đó có TMS.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Là một Công ty cổ phần đại chúng và đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của TMS chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật mới quy định trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hoạt động dịch vụ phục vụ xuất nhập khẩu luôn luôn phải bám sát các văn bản pháp luật của nhà nước về điều hành xuất nhập khẩu, để có thể điều chỉnh công tác nghiệp vụ phù hợp và có hiệu quả. Một số loại văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động nghiệp

<sup>1</sup> Tổng cục thống kê: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=14769>

<sup>2</sup> <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Mot-so-diem-noi-bat-ve-cai-cach-ngan-hang-giai-doan-20112013/201311/20052.vgp>

<sup>3</sup> [http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof\\_vn/1539781?pers\\_id=2177014&item\\_id=133942360&p\\_details=1](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177014&item_id=133942360&p_details=1)

vụ của Công ty bao gồm: các văn bản về quản lý hoạt động giao thông đường biển, đường hàng không; các văn bản của Chính phủ về quản lý và điều hành xuất nhập khẩu; các văn bản hướng dẫn thực hiện các qui định về Hải quan v.v...Ngoài ra, Công ty còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA, ...

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, hệ thống luật pháp của nước ta đang từng bước được hoàn thiện để phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Tuy nhiên, một số các quy định pháp luật về logistics hiện nay vẫn chưa được thay đổi một cách phù hợp, thiếu cập nhật, dẫn đến chưa tạo được thị trường dịch vụ logistics minh bạch, cạnh tranh lành mạnh để tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty cần bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật, luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành**

Hoạt động của công ty ở lĩnh vực chính là đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng. Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

#### **3.1. Rủi ro trong mảng logistics, kinh doanh kho bãi**

- ❖ **Rủi ro chính sách:** Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TMS chịu tác động chi phối bởi lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và giá cước dịch vụ vận chuyển. Do đó các chính sách về xuất nhập khẩu, hàng rào thuế quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo Tổng cục Hải Quan, trong 6 tháng đầu năm 2014, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 140,71 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên hoạt động thương mại quốc tế còn gặp nhiều khó khăn do những biến động của kinh tế lẫn chính trị thế giới có thể khiến cho nhu cầu lưu thông hàng hóa giữa các nước giảm. Điều này có thể làm giảm sản lượng hàng hóa và áp lực giảm giá cước, dẫn tới doanh thu của công ty giảm.<sup>4</sup>
- ❖ **Rủi ro cơ sở hạ tầng:** Hoạt động trong lĩnh vực vận tải nên TMS cũng chịu ảnh hưởng bởi hệ thống giao thông chưa đồng bộ, gây ách tắc, hạn chế thời gian và tăng chi phí vận chuyển hàng hóa. Hiện ở Việt Nam có 26 sân bay, trong đó 8 sân bay có đường băng dài 3.000m có khả năng đón nhận các máy bay lớn, 3.200km đường sắt quốc gia, khoảng 17.300km quốc lộ, 49 bến cảng với 217 cầu cảng.<sup>5</sup> Tuy nhiên, hạ tầng giao thông vận tải lại thiếu kết nối đa phương thức, còn phụ thuộc quá nhiều vào đường bộ với tình trạng chung nhỏ hẹp và xuống cấp. Thêm vào đó, mức đầu tư vào hạ tầng giao thông vận tải của Việt Nam vẫn còn thấp, chỉ tương đương khoảng 3,5% GDP/năm, thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của thế giới.<sup>6</sup> Điều này cũng hạn chế khả năng phát triển của Công ty.
- ❖ **Rủi ro giá nhiên liệu:** Do hoạt động trong ngành vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Rủi ro về giá nhiên liệu (xăng, dầu) tăng là bài toán hóc búa cho Công ty trong việc tính toán giá thành dịch vụ vận tải.

<sup>4</sup> Tổng cục hải quan:

<http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=669&Category=&Group=Phân%20t%C3%ADch>

<sup>5</sup> <http://baodientu.chinhphu.vn/Gop-y-Hien-ke/Logistics-Viet-Nam-Thoi-ky-rong-mo/190896.vgp>

<sup>6</sup> <http://vneconomy.vn/doanh-nhan/lo-cho-nganh-logistics-viet-20131115075825121.htm>

- ❖ **Rủi ro về cạnh tranh:** Những năm gần đây tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động chính của TMS đang diễn ra với tốc độ cao với nhiều đối thủ cạnh tranh có quy mô vốn lớn, trình độ công nghệ cao cũng như nhiều kinh nghiệm và uy tín hoạt động. Theo nghị định số 140/2007/NĐ-CP của Chính phủ, đến năm 2014 sẽ xoá bỏ hoàn toàn hạn chế trong tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp logistics kinh doanh các dịch vụ kho bãi, dịch vụ đại lý vận tải và các dịch vụ bổ trợ khác.<sup>7</sup> Như vậy, các công ty nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và khoa học kỹ thuật phát triển sẽ có thể góp 100% vốn để thành lập công ty logistics tại Việt Nam. Do đó, các công ty logistics tại Việt Nam nói chung và TMS nói riêng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty kinh doanh dịch vụ logistic tầm cỡ thế giới, các tập đoàn lớn với lịch sử hoạt động trên 100 năm chuẩn bị được cấp phép kinh doanh tại Việt Nam. Áp lực giảm giá và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với TMS cũng ngày càng gia tăng.
- ❖ **Rủi ro về tỷ giá:** Hiện nay, việc trao đổi và thanh toán với các đối tác, các khách hàng nước ngoài của TMS hầu hết đều được quy đổi từ ngoại tệ, do đó tỷ giá giữa đồng tiền trong nước và đồng ngoại tệ thay đổi cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ nguồn thu ngoại tệ trong trao đổi với khách hàng nước ngoài chiếm khoảng 70% trên tổng thu của Công ty, do vậy biến động về tỷ giá có thể xem là rủi ro đặc thù liên quan đến hoạt động kinh doanh của TMS.
- ❖ **Rủi ro về nhân sự:** Trong những năm qua, nhu cầu về nhân sự lành nghề tăng nhanh, đặc biệt trong ngành vận tải và giao nhận do logistics vẫn là một khái niệm khá mới mẻ và chưa có nhiều trường lớp đào tạo. Bên cạnh đó khách hàng của Công ty thường xuyên tập trung giao dịch với các đầu mối chính như bộ phận kinh doanh, bán hàng. Sự biến động về nhân sự của bộ phận này cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty.

### **3.2. Rủi ro trong mảng văn phòng cho thuê**

- ❖ **Rủi ro về cạnh tranh:** Lĩnh vực văn phòng cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh có dấu hiệu bão hòa do trong nhiều năm qua nhiều doanh nghiệp bất động sản đã đầu tư vào lĩnh vực này. Hiện nay trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng, đặc biệt khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều doanh nghiệp lớn như Vincom, Tập đoàn Him Lam, Hoàng Anh Gia Lai,... Khi nền kinh tế suy giảm, các doanh nghiệp thu hẹp quy mô, nhà đầu tư hạn chế mở rộng, thì lĩnh vực cho thuê văn phòng gặp nhiều khó khăn. Nhiều tòa nhà văn phòng mới xây hiếm khách khiến giá cho thuê giảm mạnh, ảnh hưởng tới doanh thu mảng cho thuê văn phòng của TMS.

## **4. Rủi ro của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng**

Trái phiếu chuyển đổi của đợt chào bán lần này sẽ được Công ty quản lý và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng, đồng thời trái chủ có quyền chuyển đổi linh hoạt và chia làm hai đợt, với giá chuyển đổi hấp dẫn. Do đó, tính hấp dẫn của trái phiếu chuyển đổi khá cao và rủi ro của đợt phát hành là thấp. Thêm vào đó, đối tượng chào bán của đợt phát hành là các cổ đông hiện hữu, những nhà đầu tư đã hiểu rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, nên khả năng thành công của đợt phát hành lần này là cao.

Lượng trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết sẽ được Hội đồng quản trị phân phối lại với giá không thấp hơn và các điều kiện đi kèm không ưu đãi hơn so với phát hành cho cổ đông hiện hữu, nên vẫn tạo được hấp dẫn với những nhà đầu tư mới.

<sup>7</sup> [http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=334&mode=detail&document\\_id=38341](http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=334&mode=detail&document_id=38341)

## **5. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán**

Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi này là đầu tư mua sà lan và bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Công ty nhận thấy cơ hội cho việc phát triển đội sà lan, với việc tăng cường kiểm soát xe chở quá khổ quá tải, và tăng cường các trạm cân, nhiều chủ hàng đã lựa chọn sà lan là phương tiện thay thế cho việc vận chuyển bằng đường bộ. Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 sà lan và tất cả các sà lan đều đang hoạt động hết công suất. Việc đầu tư thêm sà lan sẽ giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, qua đó tăng tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác. Việc bổ sung vốn lưu động có thể giúp Công ty chủ động hơn trong nguồn vốn ngắn hạn, tiếp tục cải thiện các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty.

Trong điều kiện nền kinh tế vĩ mô mới được phục hồi và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro như hiện nay, thì rủi ro về việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư là có thể xảy ra. Tuy nhiên, kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành này của Công ty để tăng cường phương tiện kinh doanh và tính chủ động trong hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty. Do đó, rủi ro của việc đầu tư này là không lớn.

## **6. Rủi ro pha loãng**

Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi không làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành ngay tại thời điểm phát hành, mà sẽ tăng số lượng cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi. Sở giao dịch không điều chỉnh giá giao dịch của cổ phiếu tại thời điểm niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành để chuyển đổi trái phiếu, do đó tác động pha loãng của số lượng cổ phiếu mới phát hành đối với giá cổ phiếu đang giao dịch là không rõ ràng. Tuy nhiên, việc gia tăng khối lượng cổ phiếu, trong khi doanh thu và lợi nhuận của Công ty không thể ngay lập tức tăng theo tốc độ tương ứng cũng sẽ gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả hoạt động của Công ty trong ngắn hạn, do đó cũng làm ảnh hưởng nhất định tới giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

Tại các thời điểm chuyển đổi, khi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu sẽ thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận bình quân trên mỗi cổ phiếu (EPS) của Công ty. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, EPS được tính theo công thức:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}.$

Trong đó:

**Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (giả sử không có cổ phiếu quỹ)**

$$= \frac{N1 \times t + N2 \times (12 - t)}{12}$$

Với N1: số lượng cổ phiếu trước khi chuyển đổi

N2: số lượng cổ phiếu sau khi chuyển đổi

t: số tháng trước khi chuyển đổi

Ví dụ, việc chuyển đổi đợt 1 hoàn tất vào ngày 30/11/2015, số lượng cổ phiếu trước ngày chuyển đổi là 23.073.824 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu sau khi chuyển đổi (dự kiến) là 25.930.966 thì số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân và không có cổ phiếu quỹ là:

$$\frac{23.073.824 \times 11 + 25.930.966 \times 1}{12} = 23.311.919 \text{ cổ phiếu}$$

- Để so sánh ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi tới EPS của Công ty, EPS sẽ được tính trong trường hợp không phát hành và trường hợp thực hiện phát hành. Lợi nhuận sau thuế để tính EPS sẽ được lấy ví dụ dựa trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2015 (căn cứ vào kế hoạch kinh doanh của Công ty). Số lượng cổ phiếu lưu hành

bình quân trong trường hợp không thực hiện và có thực hiện phát hành tương ứng là 23.073.824 cổ phiếu và 23.311.919 cổ phiếu.

**Bảng 1. EPS được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2015**

| Số lượng cổ phiếu bình quân<br>(cổ phần)        | Lợi nhuận dự kiến năm 2015<br>(đồng) | EPS dự kiến 2015<br>(đồng/cổ phần) |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| Trước khi phát hành: <b>23.073.824 cổ phiếu</b> | 110.090.983.965                      | 4.771                              |
| Sau khi phát hành: <b>23.311.919 cổ phiếu</b>   | 110.090.983.965                      | 4.722                              |

Nguồn: TMS

Nhìn vào bảng tính trên ta có thể thấy, EPS sau khi tăng vốn giảm so với việc không phát hành. Khi doanh thu và lợi nhuận chưa thể tăng kịp thời với tốc độ tăng của khối lượng cổ phiếu, thì EPS của TMS có thể sẽ giảm. Tuy nhiên, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty chưa tính đến thu nhập của dự án đầu tư mới, vì vậy EPS có thể sẽ tăng vào các năm sau.

Đồng thời tại thời điểm chuyển đổi, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu sẽ bị pha loãng theo công thức:

$$P = \frac{Ptcd \times Q1 + 17.500 \times Q2}{Q1 + Q2}$$

Trong đó:

- Giả sử Giá chuyển đổi là 17.500 đồng/cổ phiếu
- P là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách sau khi chuyển đổi
- Ptcd là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách trước khi chuyển đổi
- Q1 là số lượng cổ phiếu trước khi chuyển đổi
- Q2 là số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu

Nếu Ptcd có giá trị nhỏ hơn 17.500, thì sau khi chuyển đổi giá P sẽ lớn hơn Ptcd.

Ngược lại, nếu giá Ptcd có giá trị lớn hơn 17.500, thì sau khi chuyển đổi giá P sẽ nhỏ hơn Ptcd.

## 7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro sau đây cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro về bảo hiểm hay những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, v.v...

Trái phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các khoản nợ có đảm bảo của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Transimex-Saigon**

|                      |                                            |
|----------------------|--------------------------------------------|
| Ông: Bùi Tuấn Ngọc   | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị        |
| Ông: Lê Duy Hiệp     | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc |
| Ông: Lê Văn Hùng     | Chức vụ: Kế toán trưởng                    |
| Ông: Nguyễn Tuấn Anh | Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát              |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### **2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Đại diện: Ông Bạch Nguyễn Vũ Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

*Giấy Ủy quyền số 13/UQ-CKCT ngày 25/07/2014 do Ông Đỗ Linh Phương – Tổng Giám Đốc Công ty ký*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành đã ký với Công ty Cổ phần Transimex-Saigon. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Transimex-Saigon cung cấp.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM**

|                  |                                                    |
|------------------|----------------------------------------------------|
| UBCKNN           | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                      |
| VSD              | : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam            |
| TTCK             | : Thị trường chứng khoán                           |
| Công ty          | : Công ty Cổ phần Transimex-Saigon                 |
| TMS              | : Công ty Cổ phần Transimex-Saigon                 |
| Transimex-Saigon | : Công ty Cổ phần Transimex-Saigon                 |
| Điều lệ          | Điều lệ Công ty Cổ phần Transimex-Saigon           |
| Giấy CNĐKKD      | : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh               |
| ĐHĐCĐ            | : Đại hội đồng cổ đông                             |
| HĐQT             | : Hội đồng Quản trị                                |
| BKS              | : Ban Kiểm soát                                    |
| BGD              | : Ban Giám đốc                                     |
| CK               | : Chứng khoán                                      |
| TSCĐ             | : Tài sản cố định                                  |
| Thuế TNDN        | : Thuế Thu nhập doanh nghiệp                       |
| CĐ               | : Cổ đông                                          |
| ĐVT              | : Đơn vị tính                                      |
| CBCNV            | : Cán bộ, công nhân viên                           |
| NĐTC             | : Niên độ tài chính                                |
| HĐ               | : Hợp đồng                                         |
| Giấy CN ĐKKD     | : Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh               |
| Giấy CN ĐKHĐ     | : Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động                |
| VIFFAS           | : Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam              |
| VCCI             | : Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam         |
| FIATA            | : Liên đoàn Các hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế |
| CFS              | : Kho Gom hàng lẻ                                  |
| IATA             | : Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế              |
| ICD              | : Inland Container Depot (Cảng Cạn)                |
| TNHH MTV         | : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên               |
| Công ty CP       | : Công ty Cổ phần                                  |
| VĐL              | : Vốn điều lệ                                      |

## **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

#### **1.1 Thông tin chung**

- ❖ Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
- ❖ Tên tiếng Anh: Transimex-Saigon Corporation
- ❖ Tên viết tắt: Transimex-Saigon
- ❖ Trụ sở chính: Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q.1, Tp HCM.
- ❖ Điện thoại: (84.8) 2220 2888 Fax: (84.8) 2220 2889
- ❖ Website: www.transimexsaigon.com
- ❖ Giấy CNĐKKD: Số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2013
- ❖ Tài khoản mở tại: Ngân hàng TMCP Vietcombank – Chi nhánh HCM
- ❖ Số tài khoản: VND 007.100.0006146
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:

**Bảng 2. Ngành nghề kinh doanh chính**

| STT | Ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã số |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý giao nhận. Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước. Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào và Trung Quốc. Kinh doanh vận tải đa phương thức | 5229  |
| 2   | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho ngoại quan, Kho CFS (tập kết, thu gom hàng lẻ xuất khẩu), kho ICD (địa điểm thông quan nội địa). Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển                                                                                                           | 5210  |
| 3   | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                     | 4933  |
| 4   | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường biển                                                                                                                                                                                                                          | 5012  |
| 5   | Vận tải hàng hóa hàng không<br>Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường hàng không                                                                                                                                                                                                                                | 5120  |
| 6   | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác                                                                                                                                                                                                             | 8292  |
| 7   | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre, lá, công nghệ phẩm, dệt da may, hàng trang trí nội thất                                                                                                                                                | 4649  |

| STT | Ngành                                                                                                                                                                                        | Mã số |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 8   | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản                                                                                    | 4620  |
| 9   | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu; thực phẩm công nghệ                                                                         | 4632  |
| 10  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất có tính độc hại mạnh); nông dược các loại (trừ thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật)  | 4669  |
| 11  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Cửa hàng bách hóa                                                                                                            | 4719  |
| 12  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Mua bán vải sợi                                                                                                                            | 4641  |
| 13  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng                                                                                               | 4663  |
| 14  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Mua bán xe máy                                                                                                                                                | 4541  |
| 15  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê<br>Chi tiết: Cho thuê văn phòng                                                                           | 6810  |
| 16  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                 | 3312  |
| 17  | Chuyển phát                                                                                                                                                                                  | 5320  |
| 18  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                               | 7911  |
| 19  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công, nông nghiệp; Máy văn phòng; Điện máy; Phương tiện vận tải; Nông ngư cơ | 4659  |

Nguồn: TMS

## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cổ phần Transimex-Saigon (Transimex-Saigon) là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1983. Từ ngày 01/01/2000, Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 03/12/1999.

|            |                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Năm 1983 | Được thành lập từ năm 1983, Công ty Cổ phần Transimex-Saigon đã trải nhiều năm hoạt động và không ngừng phát triển trên lĩnh vực kinh doanh giao nhận, vận chuyển quốc tế. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của Công ty là 10% đến 12%/năm |
| ❖ Năm 1989 | Transimex-Saigon là thành viên của FIATA, VIFFAS, VCCI                                                                                                                                                                                |
| ❖ Năm 1993 | Mở được các chi nhánh tại các địa phương trong cả nước như: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cần Thơ                                                                                                                    |
| ❖ Năm 1996 | Mở rộng chức năng hoạt động: Kho ngoại quan, Thu gom hàng CFS                                                                                                                                                                         |

|                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Năm 1998     | Mở rộng phát triển điểm thông quan nội địa (ICD)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| ❖ Năm 1999     | Mở các văn phòng đại diện tại các khu Công nghiệp Đồng Nai, Bình Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| ❖ Năm 2000     | Chính thức hoạt động theo cơ cấu Công ty cổ phần với vốn điều lệ 22 tỷ đồng. Là thành viên và là đại lý hàng hóa của IATA. Được cấp chứng nhận ISO 9002. Thành lập công ty liên doanh Nippon Express Việt Nam với số vốn góp 50%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| ❖ Tháng 7/2000 | Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP HCM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| ❖ Năm 2003     | Được cấp chứng nhận chất lượng ISO 9001:2000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| ❖ Năm 2004     | Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| ❖ Năm 2005     | Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 42,9 tỷ đồng và đầu tư phát triển thêm 80m cầu cảng salan 1000DW và xây dựng mới kho CFS chuyên dụng với 2.000 m <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| ❖ Năm 2007     | Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 63,48 tỷ đồng để đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng cho thuê 14 tầng tại địa chỉ 172 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, TP HCM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| ❖ Năm 2008     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- ĐHĐCĐ đã bầu mới 07 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2008-2013. Thực hiện tái cơ cấu Công ty.</li> <li>- Chính thức đưa TMS Building vào hoạt động.</li> <li>- TMS được UBCKNN chấp thuận việc phát hành ra công chúng 1.904.400 cổ phiếu để góp vốn thành lập Công ty CP Transimex-Saigon - Hữu Nghị tại Bắc Giang, đồng thời thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải giao nhận Ngoại thương và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty CP Hàng Hải Sài Gòn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                            |
| ❖ Năm 2009     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn điều lệ Công ty chính thức tăng lên 101,026 tỷ đồng.</li> <li>- Thành lập Công ty CP Transimex-Saigon – Hữu Nghị tại Bắc Giang, chuyên kinh doanh về kho bãi</li> <li>- Thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương TP HCM (TMS-TRANS), chuyên vận tải container bằng đường bộ</li> <li>- Thành lập Công ty TNHH Bất động sản Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP HCM (TMS BUILDING)</li> <li>- Khởi động dự án triển khai hệ thống quản trị nguồn lực Doanh nghiệp “ERP”</li> <li>- Khởi công dự án “Quy hoạch cải tạo – nâng cấp Trung tâm Kho cảng ICD Transimex”</li> <li>- Ký kết hợp đồng Hợp tác kinh doanh Depot, khai thác bãi chứa</li> </ul> |

container gần 30.000 m<sup>2</sup>

- Đóng mới 2 Tàu chở container, trọng tải 2.400 tấn/chiếc (96 teus) và đã đưa vào vận hành ngày 19/01/2010

- ❖ Năm 2010
  - Vốn điều lệ TMS chính thức tăng lên 165 tỷ đồng
  - TMS được cấp “Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài” để thực hiện dự án đầu tư tại Campuchia. Tên tổ chức kinh tế được thành lập ở nước ngoài: “Transimex–Cambodia Company Limited”
  - Thành lập Công ty TNHH MTV Transimex Logistics, giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý Khu Công Nghệ Cao cấp
  - Ký kết hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh Cảng Hải An – Hải Phòng với Công ty Cổ phần Vận tải & Xếp dỡ Hải An
  - Hoàn thành dự án “Quy hoạch nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD Transimex”
  - Khánh thành văn phòng làm việc Trung tâm kho cảng ICD Transimex tại 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
- ❖ Năm 2011
  - Được cấp giấy phép đầu tư vào khu công nghệ cao và thành lập công ty con quản lý
  - Hoàn thành và đưa dự án nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD vào sử dụng. Các hạng mục xây mới gồm kho lạnh và kho CFS 2 tầng
- ❖ Năm 2012
  - 3/2012: Ký kết “Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược” với Công ty Vinafreight
  - 4/2012: Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ Logistics cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2” với Tập đoàn Điện khí Thượng Hải.
  - 7/2012: TMS tăng vốn điều lệ lên 230,75 tỷ đồng
  - 9/2012: Thành lập Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC)
  - Xây dựng Trung tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC), với tổng diện tích 18.000 m<sup>2</sup>, tổng vốn đầu tư: 80.000.000.000 đồng (trong đó: Công ty CP Transimex-Saigon góp 50.000.000.000 đồng), tại đường số 23, KCN Sóng thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Quy mô dự án: 70.000.000.000 đồng/năm
- ❖ Năm 2013
  - 11/4/2013: Hoàn thành dự án Trung tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC) và đã đưa vào hoạt động.
  - 10/4/2013: Thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon

## **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

Công ty Cổ phần Transimex-Saigon được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Điều lệ Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.
- ❖ **Trụ sở chính:**
  - Trụ sở chính: Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Quận 1, TP HCM.
  - Điện thoại: (84.8) 2220 2888 Fax: (84.8) 2220 2889
  - Website: [www.transimexsaigon.com](http://www.transimexsaigon.com)
- ❖ **Các chi nhánh:**
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tại Hải Phòng
    - Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301874259-002 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25/12/2012
    - Địa chỉ: Phòng 8, tầng 1, tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
    - Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ Giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh; Dịch vụ đóng gói; Mua bán
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-Saigon (tại Hà Nội)
    - Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301874259-001 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 24/03/2014
    - Địa chỉ: Phòng 1702 tòa nhà 17T4, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
    - Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ kho bãi; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kinh doanh quá cảnh; Dịch vụ đóng gói; Mua bán; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Cho thuê văn phòng
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tại Đà Nẵng
    - Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301874259-003 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 18/12/2012
    - Địa chỉ: 25-27 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
    - Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ kho bãi; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ

vụ kinh doanh quá cảnh; Dịch vụ đóng gói; Mua bán; Kinh doanh vận tải đa phương thức

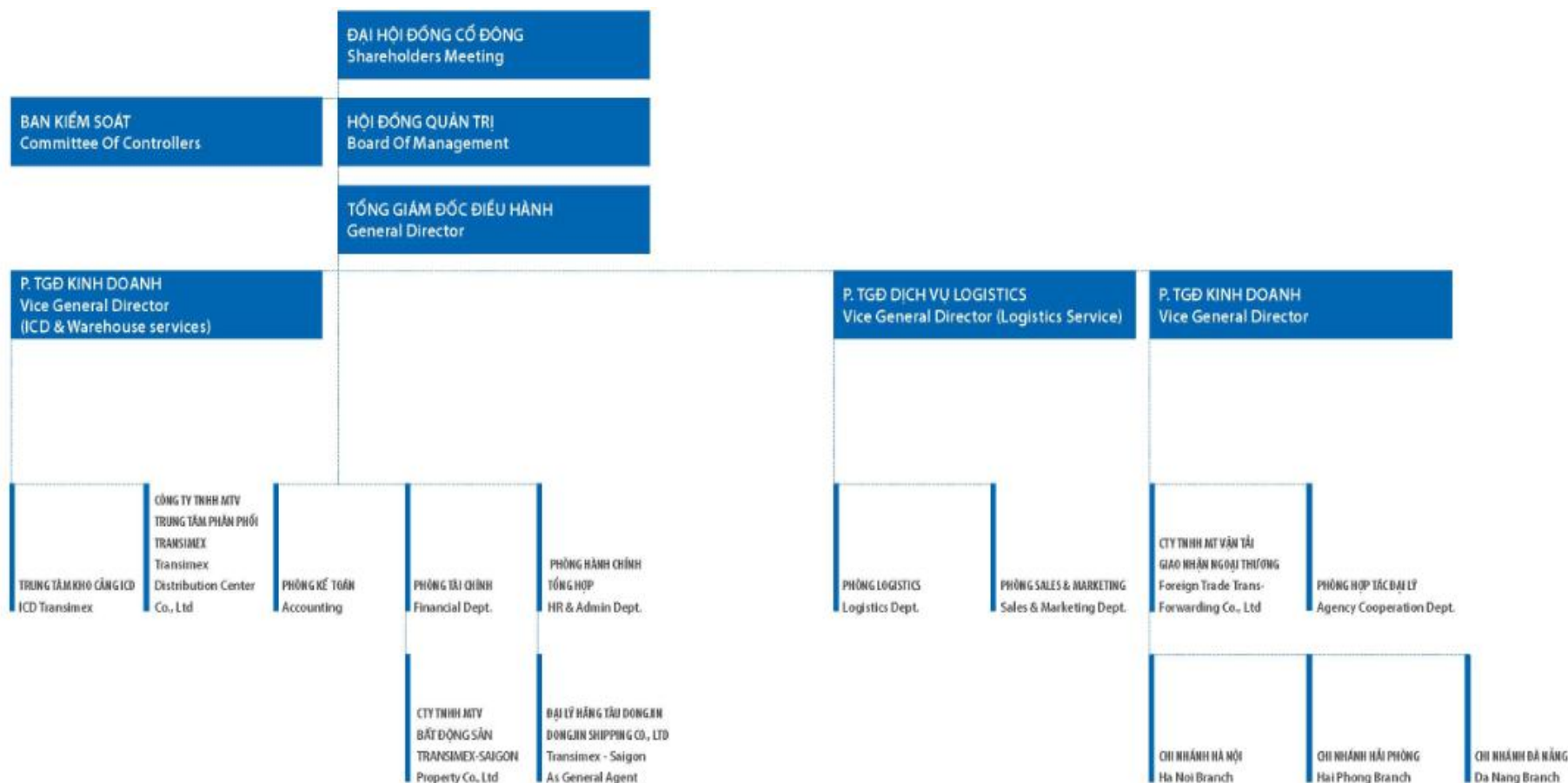
- Trung tâm kho cảng ICD Transimex
  - Địa chỉ: 7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức

❖ **Văn phòng đại diện**

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tại Đồng Nai
  - Giấy CN ĐKKD số 0301874259 - 005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/09/2005, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 04/03/2013
  - Địa chỉ: 257, Tổ 5, Khu phố 11, P.An Bình, Tp. Biên Hòa
  - Nội dung hoạt động: Giao dịch và tiếp thị với khách hàng
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tại Bình Dương
  - Giấy CN ĐKKD số 0301874259-006 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 22/01/2013
  - Địa chỉ: Khu dịch vụ VSIP, số 2, đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
  - Nội dung hoạt động: Giao dịch và tiếp thị với khách hàng

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 1: Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon



Nguồn: TMS

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 09 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

#### ❖ **Các phòng ban**

Nhóm này trực tiếp tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Các Phòng nghiệp vụ gồm có các Trưởng, Phó trưởng phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng và dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

### **4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

#### **4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

**Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 11/06/2014**

| STT | Cổ đông                                 | Địa chỉ                                                           | Số cổ phần | Tỷ trọng vốn góp |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|------------------|
| 1   | Công ty CP Đầu tư ViNa                  | 56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TP.HCM                                | 1.917.840  | 8,31%            |
| 2   | Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt        | 56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TP.HCM                                | 2.940.024  | 12,74%           |
| 3   | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI            | Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội                        | 4.639.836  | 20,11%           |
| 4   | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra) | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM                                 | 1.375.137  | 5,96%            |
| 5   | PXP Vietnam Fund Ltd                    | Lầu 6, tòa nhà Opera View Building, 161 Đồng Khởi, Quận 1, TP HCM | 1.174.253  | 5,09%            |
| 6   | Bùi Minh Tuấn                           | 40/11 NGUYỄN VĂN ĐẬU, P.6, Q.                                     | 1.525.900  | 6,61%            |

| STT | Cổ đông | Địa chỉ         | Số cổ phần | Tỷ trọng vốn góp |
|-----|---------|-----------------|------------|------------------|
|     |         | Bình Thạnh, HCM |            |                  |

Nguồn: TMS

#### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

**Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2014**

| STT | Danh sách cổ đông sáng lập               | Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số cổ phần     | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ        |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|--------------|
| 1   | Đại diện cổ đông Nhà nước: Trần Hồng Đờm | 21A Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, TP. HCM                             | 22.000         | 220.000.000                  | 0,10%        |
| 2   | Đỗ Quý Thông                             | 10M Cư xá Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, TP. HCM                          | 11.000         | 110.000.000                  | 0,05%        |
| 3   | Huỳnh Minh Thảo                          | 539/1 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10, TP. HCM                     | 11.000         | 110.000.000                  | 0,05%        |
| 4   | Nguyễn Chí Thiện                         | 27B Võ Thị Sáu, quận 1, TP. HCM                                            | 11.000         | 110.000.000                  | 0,05%        |
| 5   | 344 cổ đông khác                         | Việt Nam                                                                   | 165.000        | 1.650.000.000                | 0,70%        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                         |                                                                            | <b>220.000</b> | <b>2.200.000.000</b>         | <b>0,95%</b> |

Nguồn: Theo Giấy CNĐKKD số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999; cấp lại lần 22 ngày 10/4/2013

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/06/2014**

| STT | Cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tổng giá trị (đồng)    | Tỷ lệ          |
|-----|----------------------|------------------|--------------------|------------------------|----------------|
| 1   | <b>Trong nước</b>    | 903              | 13.799.437         | 137.994.370.000        | 59,81%         |
| a.  | Tổ chức              | 53               | 12.329.110         | 123.291.100.000        | 53,43%         |
| b.  | Cá nhân              | 850              | 1.470.327          | 14.703.270.000         | 6,38%          |
|     | <i>Trong Công ty</i> | 144              | 593.515            | 5.935.150.000          | 2,57%          |
|     | <i>Ngoài Công ty</i> | 706              | 876.812            | 8.768.120.000          | 3,81%          |
| 2   | <b>Nước ngoài</b>    | 177              | 9.274.387          | 92.743.870.000         | 40,19%         |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b>1.080</b>     | <b>23.073.824</b>  | <b>230.738.240.000</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: TMS

5. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

**5.1 Danh sách những Công ty mẹ**

Không có

**5.2 Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành**

**Bảng 6. Danh sách những Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tại 30/06/2014**

| STT              | Tên Công ty                                     | Vốn Điều lệ              |                                          | Tỷ lệ sở hữu | TMS                              |                                          |
|------------------|-------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------|----------------------------------|------------------------------------------|
|                  |                                                 | Vốn đăng ký (triệu đồng) | Vốn thực góp tại 30/06/2014 (triệu đồng) |              | Mức đăng ký vốn góp (triệu đồng) | Vốn thực góp tại 30/06/2014 (triệu đồng) |
| 1                | Công ty TNHH MTV Vận tải giao nhận ngoại thương | 28.000                   | 28.000                                   | 100%         | 28.000                           | 28.000                                   |
| 2                | Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex-Sài Gòn | 80.000                   | 80.000                                   | 100%         | 80.000                           | 80.000                                   |
| 3                | Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex  | 50.000                   | 12.000                                   | 100%         | 50.000                           | 12.000                                   |
| 4                | Công ty Cổ phần Transimex-Saigon – Hữu Nghị     | 3.000                    | 3.000                                    | 70%          | 2.100                            | 2.100                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                 | <b>161.000</b>           | <b>123.000</b>                           |              | <b>160.100</b>                   | <b>122.100</b>                           |

Nguồn: TMS

❖ **Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-TRANS)**

- Giấy CN ĐKDN: 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần 4 ngày 19/12/2013.
- Trụ sở: 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM
- Hoạt động: Từ 18/03/2009
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,
  - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô,
  - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương,
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vốn điều lệ: 28 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 100%

❖ **Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex-Saigon (TMS PROPERTY)**

- Giấy CN ĐKKD: 0309428263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/05/2013
- Trụ sở: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
- Hoạt động: Từ 03/2009
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Kinh doanh bất động sản
  - Lưu giữ hàng hóa
  - Vệ sinh nhà cửa và các công trình
  - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
  - Cho thuê máy móc; thiết bị văn phòng
- ...
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 100%

❖ **Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex**

- Giấy CN ĐKKD: 462 041 000 926 cấp ngày 12/09/2012, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 31/01/2013
- Trụ sở: Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Hoạt động: 2012
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa,
  - Kho bãi và lưu hàng hóa,
  - Bốc xếp hàng hóa
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 100%

❖ **Công ty Cổ phần Transimex-Saigon – Hữu Nghị**

- Giấy CN ĐKKD: 200 3000 374 cấp ngày 13/01/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 03/08/2010
- Trụ sở: Lô số D11, Khu Công Nghiệp Đình Trám, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
- Hoạt động: 2009
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Dịch vụ đại lý giao nhận và đại lý Vận chuyển hàng hóa xuất nhập và công cộng bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ, kinh doanh kho bãi.
- Vốn điều lệ: 3 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 70%

*Ghi chú: Công ty Cổ phần Transimex-Saigon – Hữu Nghị đang làm thủ tục giải thể.*

### 5.3 Công ty liên doanh – liên kết

**Bảng 7. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết quan trọng của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon thời điểm 30/06/2014**

| STT | Tên Công ty                                                                  | Vốn Điều lệ              |                                                            |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------|
|     |                                                                              | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2013 (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
| 1   | Công ty Cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương) | 56.000                   | 56.000                                                     | 24,83%       |
| 2   | Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam                              | 25.050                   | 25.050                                                     | 50%          |
| 3   | Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An                                     | 231.962                  | 231.962                                                    | 24,38%       |
| 4   | Transimex-Cambodia Company limited                                           | 922                      | 461                                                        | 50%          |

Nguồn: TMS

#### ❖ Công ty Cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương)

- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 0302511219 đăng ký lần đầu : 14/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/05/2014
- Trụ sở: A8 Trường Sơn, P.2, Q.Tân Bình, T.P Hồ Chí Minh
- Chức năng hoạt động: Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, Đại lý tàu biển, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các Hãng giao nhận vận tải nước ngoài, Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu, Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...
- Vốn điều lệ 56.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của TMS 24,83%

#### ❖ Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam

- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 411022000240 Cấp ngày 22/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/03/2014
- Trụ sở: Phòng 5.2-5.3, tòa nhà E-town, Số 364, Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TPHCM
- Chức năng hoạt động: Cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường

biển, đường hàng không, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan...

- Vốn điều lệ 25.050.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của TMS 50%

❖ **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

- Giấy CN ĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 0103818809 cấp ngày 08/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13/04/2012
- Trụ sở: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, bốc xếp hàng hóa, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, buôn bán ô tô...
- Vốn điều lệ: 231.962.320.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 24,82%

❖ **Transimex – Cambodia Company Limited**

- Giấy CN đầu tư ra nước ngoài: Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 424/BKH-DTRNN ngày 23/02/2011 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TMS: 50%

*Ghi chú: Transimex-Cambodia Company Limited đang làm thủ tục giải thể.*

## 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

**Bảng 8. Quá trình tăng vốn điều lệ**

| Thời gian                        | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Giá trị tăng thêm (triệu đồng) | Phương thức tăng vốn điều lệ và Đơn vị cấp phép                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Khi cổ phần hoá</b>           | 22.000                   |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Lần 1: Năm 2004</b>           | 33.000                   | 11.000                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Lần 2: Tháng 09/2005</b>      | 42.900                   | 9.900                          | ❖ Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành 20.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ: 10:3                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Lần 3: Tháng 05 - 08/2007</b> | 63.480                   | 20.580                         | ❖ Phát hành riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu, giá phát hành 55.000 đồng/cổ phiếu<br>❖ Phát hành 1.058.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành 20.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ: 5:1<br>❖ Mục đích phát hành: Xây dựng TMS Building                                                                                            |
| <b>Lần 4: Tháng 01/2009</b>      | 80.030                   | 16.550                         | ❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành 30.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ 10:3<br>❖ Phát hành cho CBCNV, giá phát hành 30.000 đồng/cổ phiếu<br>❖ Mục đích phát hành: Đầu tư phương tiện vận tải<br>❖ Giấy chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu số 363/UBCK-GCN ngày 23/12/2008 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp |
| <b>Lần 5: Tháng 8/2009</b>       | 101.030                  | 21.000                         | ❖ Phát hành 1.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ 100:22,49<br>❖ Phát hành 300.000 cổ phiếu cho CBCNV, giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu<br>❖ Mục đích phát hành: Đầu tư kho cảng                                                                                              |

| Thời gian                   | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Giá trị tăng thêm (triệu đồng) | Phương thức tăng vốn điều lệ và Đơn vị cấp phép                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             |                          |                                | ICD Transimex                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                             |                          |                                | ❖ Giấy chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu số 411/UBCK-GCN ngày 29/07/2009 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp                                                                                                                                                                                              |
| <b>Lần 6: Tháng 11/2009</b> | 132.130                  | 31.100                         | ❖ Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%<br>❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ: 100:17,81<br>❖ Phát hành cho CBCNV, giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu<br>❖ Giấy chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu số 411/UBCK-GCN ngày 29/07/2009 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp |
| <b>Lần 7: Tháng 10/2010</b> | 165.152                  | 33.022                         | ❖ Phát hành cổ phiếu thường 25%<br>❖ UBCKNN đăng thông báo nhận đầy đủ tài liệu ngày 28/09/2010                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Lần 8: Tháng 06/2011</b> | 182.759                  | 17.607                         | ❖ Chuyển đổi đợt 1 năm 2011 trái phiếu chuyển đổi TMSCB2010 đã phát hành sang cổ phiếu                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Lần 9: Tháng 11/2012</b> | 230.738                  | 47.979                         | ❖ Chuyển đổi đợt 2 năm 2012 trái phiếu chuyển đổi TMSCB2010 đã phát hành sang cổ phiếu<br>❖ Phát hành cổ phiếu thường 5%, UBCKNN đăng thông báo nhận đầy đủ tài liệu ngày 11/05/2012                                                                                                                                 |

Nguồn: TMS

#### Thông tin đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2010

- ❖ Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 – 2010 ngày 17/04/2010, Nghị quyết HĐQT số 04/NQHĐQT-TMS-2010 ngày 17/05/2010 về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, chi tiết về đợt phát hành năm 2010 như sau:
  - Tổng mệnh giá phát hành: 100 tỷ đồng
  - Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 đồng

- Giá phát hành: 100% mệnh giá
- Kỳ hạn: 24 tháng
- Ngày phát hành: 14/6/2010
- Lãi suất định kỳ: 8%/năm
- Giá chuyển đổi: 24.220 đồng/cổ phần (tương đương 80% giá thị trường tại thời điểm phát hành)
- ❖ Căn cứ Thông báo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon ngày 17/06/2010:
  - Tổng số trái phiếu đã phân phối: 100.000 trái phiếu, chiếm 100% tổng số trái phiếu phát hành
  - Tổng số tiền thu được từ việc bán trái phiếu: 100 tỷ đồng
  - Số lượng trái chủ: 07
- ❖ Kết quả chuyển đổi 32.750 trái phiếu TMSCB2010 thành cổ phiếu ngày 14/6/2011 như sau:
  - Giá chuyển đổi được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng, giảm từ 24.220 đồng/cổ phiếu xuống 18.601 đồng/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu tăng thêm 1.760.656 cổ phiếu
- ❖ Căn cứ Báo cáo Tình hình sử dụng vốn từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi đến ngày 06/12/2010 như sau:
  - Đầu tư góp vốn vào cảng Hải An: 56,250 tỷ đồng
  - Đầu tư vào ICD Transimex thay thế nguồn vốn vay ngân hàng lãi suất cao: 42,955 tỷ đồng
  - Chi phí phát hành trái phiếu: 0,795 tỷ đồng
- ❖ Kết quả chuyển đổi 67.250 trái phiếu TMSCB2010 thành cổ phiếu ngày 14/6/2012 như sau:
  - Giá chuyển đổi được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng, giảm từ 24.220 đồng/cổ phiếu xuống 17.313 đồng/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu tăng thêm 3.884.584 cổ phiếu
- ❖ Phát hành cổ phiếu thưởng:
  - Khối lượng phát hành: 913.370 cổ phần
  - Tỷ lệ: 20:1. Số cổ phần nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phần lẻ thập phân sẽ được trả bằng tiền mặt với giá 10.000 đồng/cổ phần từ nguồn quỹ thặng dư.

## **7. Hoạt động kinh doanh**

### **7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty**

Các nghiệp vụ kinh doanh chính của Transimex-Saigon bao gồm nghiệp vụ giao nhận (logistics), đại lý tàu biển, Các dịch vụ kinh doanh khác liên quan đến việc khai thác điểm thông quan nội địa (ICD), trung tâm phân phối và cho thuê cao ốc văn phòng.

Chiến lược của công ty là kinh doanh tập trung vào lĩnh vực chuyên môn logistics, tiếp tục

đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng sẵn có và mở rộng có hiệu quả phạm vi hoạt động để chuẩn bị cho việc mở cửa thị trường logistics; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời tăng cường liên doanh liên kết để giảm cạnh tranh, tăng thị phần; phát triển thêm một số ngành nghề bổ trợ như: chuyển phát nhanh, dịch vụ quản lý kho, phân phối hàng hóa ...

❖ **Dịch vụ đại lý giao nhận và vận chuyển**

- Đường hàng không
  - Với nhiều năm hoạt động và không ngừng phát triển trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không, Công ty đã trở thành một trong những đại lý ưu tiên hàng đầu của các hãng hàng không quốc tế như: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, Vector Aviation...với giá cả cạnh tranh nhất, hàng hóa được vận chuyển một cách nhanh chóng, và an toàn nhất.
  - Năng lực thực hiện: 2.000 tấn/năm.
- Đường biển:
  - Là một trong những Công ty hàng đầu về lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, chuyên cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường biển đa phương thức.
  - Với hơn 30 năm kinh nghiệm, Công ty có khả năng thực hiện: 350.000 tấn hàng hóa tương đương 30.000 TEU/năm, với phương châm “Nhanh chóng – An toàn – Chính xác – Giá cả cạnh tranh”.
    - Hàng nguyên container (FCL)
    - Hàng lẻ (LCL)
    - Hàng Door to Door
    - Hàng xá, kiện
    - Lịch tàu ổn định và thời gian vận chuyển hợp lý nhất.

**Hình 2: Dịch vụ vận tải biển của TMS**



*Nguồn: TMS*

- Dịch vụ di dời máy móc, nhà xưởng
  - TMS được biết đến như là một trong những nhà tổ chức thực hiện hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển hàng dự án công trình, hàng siêu trường, siêu trọng.

- Nhiều dự án đầu tư nước ngoài mà TMS đã tham gia thực hiện như: Jabil Việt Nam, VGI Thủy điện Đa Nhim, nhà máy Nhiệt Điện Phú Mỹ, Sumitomo, Canon Việt Nam, ...

**Hình 3: Vận chuyển, di dời, lắp đặt tại KCN Biên Hòa I, máy ép nhựa JSW 1300, trọng lượng 110 tấn**



*Nguồn: TMS*

❖ **Khai thác kho bãi cảng ICD Transimex**

- ICD Transimex có nhiều thuận lợi về mặt địa lý – nằm ở trung tâm vùng tứ giác phát triển kinh tế phía Nam là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu.
- Về đường bộ ICD Transimex nằm cách xa lộ Hà Nội khoảng 700m nối tiếp với mạng đường liên tỉnh và đường Quốc lộ, từ đây có thể thông thương với khắp các địa phương, các cơ sở kinh tế trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông và vùng Nam bộ.
- Về đường sông, ICD Transimex nằm trên tuyến vận tải đường thủy chính của khu vực, từ đó theo sông Sài Gòn, các tàu, sà lan đến 1.000 DWT có thể lưu thông thuận lợi đến hầu hết các cảng khu vực TP. HCM, Vũng Tàu - Thị Vải, các sà lan, phương tiện thủy cỡ 250 tấn theo các tuyến đường thủy nội địa có thể đi đến các cảng miền Tây Nam bộ, các cảng Đồng bằng Sông Cửu Long.

**Hình 4: Cảng ICD Transimex**



*Nguồn: TMS*

- Trang thiết bị hiện đại, cung cấp đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, khả năng bãi chứa container lớn 500.000 TEU/năm, dịch vụ chăm sóc khách hàng rất tốt với nhiều chính sách ưu đãi đến khách hàng.
- ICD Transimex ngày càng thu hút được nhiều khách hàng lớn, đảm bảo sản lượng tăng đều hàng năm 10-12%
- Các dịch vụ tại ICD Transimex
  - Điểm thông quan nội địa (ICD)
  - Nâng, hạ container
  - Đóng rút hàng tại bãi
  - Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh
  - Thủ tục hải quan
  - Kho đóng hàng lẻ (CFS)
  - Kho ngoại quan (Bonded warehouse)
  - Kho lạnh/ kho mát
  - Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
  - Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa
  - Sửa chữa và vệ sinh container
  - Hoạt động liên tục 24 giờ/ 7 ngày
- Năng lực
  - Tổng diện tích mặt bằng: 93.970 m<sup>2</sup>
  - Bãi chứa container: 57.498 m<sup>2</sup>
  - Kho ngoại quan: 10.000 m<sup>2</sup>
  - Kho CFS: 7.000 m<sup>2</sup>
  - Kho lạnh/ kho mát: 3.000 m<sup>2</sup>
  - Diện tích cầu cảng: 5.650 m<sup>2</sup>
  - Chiều dài cầu cảng: 180 m

❖ **Dịch vụ Kho CFS, Kho ngoại quan và Kho lạnh – kho mát**

- Kho CFS (Container Freight Station)
  - Hệ thống kho CFS tại cảng ICD Transimex (CFS-TMS) được thành lập và hoạt động từ năm 1998, với 02 hệ thống kho hàng nhập khẩu và xuất khẩu.
  - Hiện nay kho CFS-TMS đang dẫn đầu về lĩnh vực dịch vụ hàng consolidation, hàng lẻ tại cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 4 và khu vực Đông Bắc TP.HCM
  - Vị trí
    - Kho CFS-TMS nằm ngay cạnh Xa lộ Hà Nội và sông Sài Gòn là tuyến đường chính kết nối giữa các khu Công Nghiệp tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu... và các cảng chính (Cát Lái, VICT, SPCT... )
    - Kho CFS-TMS nằm ngay trong khu vực Cảng ICD-TRANSIMEX là Cảng thông quan nội địa với lợi thế thuận tiện về đường sông và đường bộ giúp doanh nghiệp giảm thời gian và chi phí vận chuyển hàng đến cửa khẩu
  - Năng lực

- Hệ thống kho High-Dock hiện đại, có tổng diện tích hơn 7.000 m<sup>2</sup> với hơn 10.000 pallet.
  - Được trang bị hệ thống khung kệ tiên tiến, xe nâng, hệ thống chiếu sáng, Camera quan sát, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn quốc tế...
  - Hàng hóa được chất xếp khoa học theo từng khu vực, được quản lý bằng phần mềm hiện đại, hệ thống mã vạch... đảm bảo việc nhập-xuất hàng hóa được nhanh chóng và chính xác.
  - Đội ngũ nhân viên với nhiều năm kinh nghiệm, áp dụng phần mềm ERP của Oracle trong việc cập nhật số liệu, đảm bảo tính chuẩn xác cho việc nhập-xuất số liệu.
  - TMS đã và đang thực hiện dịch vụ cho các Công ty logistics toàn cầu như: K&N, UPS, Logwin, MOL Logistic, Panalpina, BMK . . . với tổng sản lượng hàng qua kho hàng năm trên 200.000 cbm
- Kho ngoại quan (Bonded warehouse service)
    - Hệ thống Kho Ngoại quan của Transimex-Saigon được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1996 theo giấy phép số 26/TCHQ ngày 25.3.1996 của tổng cục Hải Quan.
    - Hiện là một trong số ít đơn vị hàng đầu của TP Hồ Chí Minh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ Kho Ngoại quan cả về quy mô lẫn chất lượng dịch vụ.
    - Vị trí
      - Nằm trong khu vực ICD Transimex (Địa điểm thông quan nội địa), thuận tiện giao thông đường bộ và đường thủy vì nằm cạnh Xa lộ Hà Nội và bờ sông Sài Gòn, chỉ cách từ 7-20Km đến các cảng chính (Cát Lái, VICT, Khánh Hội...), các Khu công nghiệp, Khu chế xuất của TP.HCM và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu,...
    - Năng lực
      - Tổng diện tích các kho hơn 10.000 m<sup>2</sup>, được chia làm 8 nhà kho riêng có diện tích từ 600 m<sup>2</sup> đến 2500 m<sup>2</sup>, khô, sạch, thông thoáng, được trang bị hệ thống PCCC, báo cháy, camera quan sát, hệ thống giải nhiệt và chiếu sáng tốt. Toàn bộ hàng hóa được sắp xếp khoa học, đúng kỹ thuật trên pallet và cách ly theo tính chất hàng hóa.
      - Sẵn sàng tiếp nhận, lưu trữ và xuất kho các loại hàng hóa xuất nhập khẩu như nông sản, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, máy lạnh, rượu, nguyên vật liệu sản xuất, hàng gia công xuất khẩu.... chờ nhập khẩu vào Việt Nam hoặc tái xuất và hàng chờ xuất khẩu.
      - Nằm trong khu vực ICD Transimex nên khách hàng có thể khai báo, hoàn thành các thủ tục HQ xuất nhập khẩu và giao nhận hàng tại kho ngoại quan được nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm chi phí và thời gian.
      - Đội ngũ nhân viên, bốc xếp giỏi nghiệp vụ, nhiệt tình, chuyên nghiệp. Phương tiện nâng hạ container, rút ruột, đóng hàng và vận chuyển đầy đủ, an toàn, đồng bộ, đáp ứng mọi yêu cầu xuất nhập kho.
      - Đã và đang cung ứng dịch vụ kho ngoại quan cho các tập đoàn kinh tế và Công

ty lớn của Nhật, Mỹ, Singapore, Việt Nam, Ấn Độ, Đức, Trung Quốc, Hong Kong, Đài Loan ...

- **Kho lạnh – Kho mát tại cảng (Frozen and Chilled)**
  - **Năng lực**
    - Hệ thống Kho lạnh - Kho mát của ICD Transimex với tổng diện tích hơn 3.000 m2, công suất hơn 5000 pallet, sạch sẽ, thông thoáng, trang bị hệ thống PCCC, báo cháy, hệ thống nhiệt và chiếu sáng tốt, nhiệt độ từ 10°C đến – 30°C.
    - Được thiết kế, xây dựng và quản lý bằng các thiết bị và phương tiện hiện đại nhất nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hóa của Quý khách hàng.
    - Kho lạnh - Kho mát của ICD Transimex đáp ứng mọi yêu cầu về lưu trữ và bảo quản hàng thủy sản đông lạnh, thịt đông lạnh, các loại trái cây và nhiều sản phẩm đông lạnh khác

❖ **Trung tâm phân phối Transimex**

Trung tâm phân phối cung cấp dịch vụ cho thuê kho ngoại quan, kho chứa hàng thường, khai báo hải quan, và các dịch vụ gia tăng như: Bốc/dỡ hàng hóa, đóng gói hàng, dán nhãn hàng hóa, phân phối & giao hàng.

- **Năng lực:**
  - Tổng diện tích: 18.000 m2;
  - Diện tích kho: 11.700 m2 với 18 làn xe nhập/xuất
  - Bao gồm: Kho ngoại quan, Kho hàng thường

❖ **Dịch vụ vận tải**

- Do Công ty con của TMS là Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS – TRANS) đảm nhiệm với 44 xe đầu kéo container và 100 rơ moóc

**Hình 5: Dịch vụ vận tải do TMS TRANS thực hiện**



*Nguồn: TMS*

❖ **Dịch vụ cho thuê cao ốc văn phòng**

- Nhận thấy trụ sở chính của công ty có vị trí thuận lợi tọa lạc tại góc giao lộ Hai Bà Trưng - Nguyễn Văn Thủ, nằm ngay khu trung tâm Quận I, TP Hồ Chí Minh, gần các sở, ban ngành, các ngân hàng, các công ty tài chính và sân bay, thuận tiện cho việc giao dịch và đi lại. Ban lãnh đạo công ty đã mạnh dạn phát triển kinh doanh sang lĩnh vực mới: cho thuê văn phòng.
- Đây là một điểm nhấn quan trọng trong quá trình phát triển của Transimex-Saigon, góp phần tăng doanh thu và đem lại lợi nhuận cao cho Công ty
- Tòa nhà khai trương và đi vào hoạt động từ đầu tháng 5/2009. Đến thời điểm hiện nay tòa nhà đã lấp đầy 100%.

**Hình 6 :Tòa nhà TMS|BUILDING**



*Nguồn: TMS*

- Thông tin về Cao ốc TMS|Building - 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
  - Cao ốc hạng B
  - Giá cả hợp lý
  - Tọa lạc tại khu Trung Tâm Thương Mai và dịch vụ sầm uất của quận 1, TP HCM
  - Tổng diện tích xây dựng 8,500 m<sup>2</sup>
  - 14 tầng và 2 tầng hầm đậu xe
- Tiện ích của cao ốc
  - Tòa nhà thoáng đẹp, tiện nghi và an toàn
  - Diện tích mỗi sàn 300-400m<sup>2</sup>, thuận tiện cho việc bố trí văn phòng làm việc
  - Hai thang máy Mitsubitsi thông minh tốc độ cao, trong đó có một thang đi xuống tầng hầm
  - Hệ thống M & E tiết kiệm điện nhập từ Châu Âu- Mỹ

## 7.2 Giá trị, sản lượng dịch vụ qua các năm

**Bảng 9. Giá trị doanh thu các mảng dịch vụ qua các năm**

Đơn vị: triệu đồng

| STT              | SẢN PHẨM<br>DỊCH VỤ                               | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 (*) |             | Năm 2013       |             | 6 tháng đầu năm<br>2014 |             |
|------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|----------------|-------------|-------------------------|-------------|
|                  |                                                   | Doanh<br>thu                              | Tỷ<br>trọng | Doanh<br>thu   | Tỷ<br>trọng | Doanh<br>thu            | Tỷ<br>trọng |
| 1                | Dịch vụ đại lý, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu | 173.003                                   | 56%         | 218.300        | 54,8%       | 112.154                 | 49,3%       |
| 2                | Dịch vụ kho vận, sà lan                           | 114.818                                   | 37,2%       | 150.793        | 37,9%       | 99.306                  | 43,7%       |
| 3                | Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý     | 18.321                                    | 5,9%        | 28.645         | 7,2%        | 14.115                  | 6,2%        |
| 4                | Dịch vụ khác                                      | 2.799                                     | 0,9%        | 630            | 0,1%        | 1.742                   | 0,8%        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                   | <b>308.941</b>                            | <b>100%</b> | <b>398.368</b> | <b>100%</b> | <b>227.317</b>          | <b>100%</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012-31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014

(\*) Năm 2012, Công ty thực hiện chuyển đổi ngày kết thúc niên độ tài chính từ ngày 31/03 hàng năm sang ngày 31/12 hàng năm, do đó, Công ty thực hiện kiểm toán giai đoạn 1/4/2012 đến 31/12/2012 thay vì niên độ tài chính từ 1/4/2012 đến 31/03/2013.

Trong cơ cấu doanh thu của TMS, dịch vụ giao nhận chiếm tỷ trọng lớn nhất với trên 50%. Năm 2013, doanh thu dịch vụ giao nhận đạt 218,3 tỷ đồng, chiếm 54,8% tổng doanh thu thuần của Công ty. Thứ hai là dịch vụ kho vận, sà lan với 150,8 tỷ đồng doanh thu trong năm 2013, chiếm tỷ trọng 37,9% tổng doanh thu thuần của TMS. Doanh thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng cũng có sự tăng trưởng ổn định khi tòa nhà TMS được lấp đầy, đạt 28,6 tỷ đồng năm 2013.

**Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo loại hình dịch vụ qua các năm**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | SẢN PHẨM<br>DỊCH VỤ                               | Giai đoạn 1/4/2012<br>– 31/12/2012 (*) |                               | Năm 2013 |                               | 6 tháng đầu năm<br>2014 |                               |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|----------|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
|     |                                                   | Giá trị                                | %/tổng<br>lợi<br>nhuận<br>gộp | Giá trị  | %/tổng<br>lợi<br>nhuận<br>gộp | Giá trị                 | %/tổng<br>lợi<br>nhuận<br>gộp |
| 1   | Dịch vụ đại lý, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu | 22.012                                 | 33,3%                         | 24.450   | 30,5%                         | 17.027                  | 36,6%                         |
| 2   | Dịch vụ kho vận, sà lan                           | 28.428                                 | 43%                           | 33.243   | 41,5%                         | 18.586                  | 40%                           |
| 3   | Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch                | 16.053                                 | 24,3%                         | 24.200   | 30,2%                         | 11.572                  | 24,9%                         |

vụ quản lý

|                  |              |               |             |               |             |               |             |
|------------------|--------------|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| 4                | Dịch vụ khác | (398)         | -0.6%       | (1.842)       | -2,2%       | (716)         | -1,5%       |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |              | <b>66.095</b> | <b>100%</b> | <b>80.051</b> | <b>100%</b> | <b>46.469</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012-31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014*

Năm 2013, lợi nhuận gộp đạt 80 tỷ đồng, trong đó dịch vụ kho vận, sà lan là dịch vụ đóng góp khối lượng lớn nhất trong tổng lợi nhuận thuần, khoảng trên 40%. Dịch vụ đại lý, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu đóng góp khoảng 30% trong tổng lợi nhuận thuần, trong khi dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý đóng góp phần trăm doanh thu ngày càng tăng trong cơ cấu lợi nhuận gộp của TMS (9 tháng năm 2012 đóng góp 24,3% tăng lên 30,2% trong năm 2013).

### 7.3 Trình độ công nghệ

#### ❖ Bốc xếp container tại bến sà lan

- Cầu cảng với chiều dài 180m diện tích 5,650m<sup>2</sup>, với 04 cần cẩu hiệu Liebherr của Đức, sức nâng 40 tấn, tầm với 29,5m, được lắp đặt cố định trên bến sà lan để bốc xếp hàng hóa từ sà lan lên các phương tiện vận tải và ngược lại.

#### ❖ Khai thác tại khu vực kho bãi

- Bốc xếp hàng hóa từ ô tô xuống bãi và ngược lại sử dụng các loại xe nâng chụm container có sức nâng từ 7 tấn đến 42 tấn. Bốc xếp, chất rút hàng từ container vào các kho, bãi và ngược lại sử dụng các xe nâng từ 1 đến 5 tấn kết hợp lao động thủ công
- Hệ thống Bãi chứa container mới với diện tích gần 70.000 m<sup>2</sup> có sức chứa khoảng 7.000 teus với các trang thiết bị nâng hạ gồm 02 RTG, 09 xe nâng chuyên dùng cho việc nâng hạ container, 10 xe đầu kéo.

#### ❖ Dịch vụ kho CFS:

- Kho CFS 02 tầng mới với hệ thống khung kệ, thang máy hiện đại với diện tích 9.000 m<sup>2</sup> với sức chứa gần 10.000 m<sup>3</sup> có hệ thống quét mã vạch tiêu chuẩn, hệ thống camera an ninh và chữa cháy tự động và với 17 xe forklift đóng rút hàng, đảm bảo việc giao nhận hàng hóa được nhanh chóng và chính xác

#### ❖ Dịch vụ kho ngoại quan:

- Với tổng diện tích mới là gần 8.000 m<sup>2</sup>, có khả năng lưu trữ các loại hàng hóa từ nông sản đến máy móc thiết bị công nghệ cao..., cung cấp dịch vụ cho các tập đoàn và công ty lớn của Nhật, Mỹ, Singapore, Đức, Ấn Độ

#### ❖ Dịch vụ kho lạnh:

- Kho lạnh với sức chứa hơn 4.000 pallets, kho mát hơn 1.000 pallets nhiệt độ từ +10 đến – 30oC được thiết kế hiện đại nhất, bảo đảm an toàn cho hàng hóa

#### ❖ Dịch vụ vận chuyển, di dời hàng siêu trường, siêu trọng:

- Năm 2014, Công ty đầu tư mua 1 đầu kéo MAN và Mooc thủy lực đa trục Goldhofer, cụ thể như sau:

**Đầu kéo hạng nặng MAN – Model TGX 41.540 8x4/4 BBS:**

- Công suất động cơ: 540 mã lực (HP)
- Tiêu chuẩn khí thải EURO 5.
- Có hệ thống thủy lực và hệ thống hơi để kết nối với mooc thủy lực.
- Sức kéo và đẩy: áp dụng được cho hàng hóa có trọng lượng đến 230 tấn.

**Mooc thủy lực Goldhofer (Heavy Duty Modular Trailer, Series THP/SL7:**

- Mooc gồm có 7 trục, với sức chịu tải trên mỗi trục là 45 tấn. Đây là mooc thủy lực thế hệ mới nhất của Goldhofer với sức chịu tải cao hơn các đời mooc thủy lực trước đây. Mooc này có thể vận chuyển hàng có trọng lượng đến 300 tấn.
- Với cơ chế vận hàng bằng thủy lực, mooc có thể điều khiển được việc chuyển hướng; nâng lên cao hay xuống thấp, thuận tiện cho công tác dỡ hàng siêu trường siêu trọng từ các phương tiện vận chuyển khác như sà lan.
- Nếu được đầu tư thêm bộ phận điều khiển từ xa (remote control), mooc có thể tự vận hành mà không cần đầu kéo. Việc di chuyển và chuyển hướng đều được điều khiển bằng bộ phận điều khiển từ xa hoặc người ngồi trên mooc, thuận tiện cho việc xoay trở ở các khu vực hạn hẹp về không gian.

❖ **Dịch vụ vận chuyển bằng đường bộ:**

- Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận Ngoại Thương (là công ty con của Transimex Saigon) hiện có 44 xe đầu kéo, trong đó có 6 xe đầu kéo hiệu Dongfeng và 38 xe đầu kéo hiệu Freight liner đời 2005 và 2006 và 100 rơ moóc

❖ **Dịch vụ vận chuyển bằng đường thủy nội bộ:**

- Dịch vụ vận chuyển container bằng sà lan giữa ICD và các Cảng biển đã có phát triển rõ rệt về sản lượng cũng như tính đa dạng, ổn định của các tuyến vận chuyển, chất lượng dịch vụ. Nhất là trong giai đoạn hiện nay (Bộ GTVT siết chặt tải trọng) công với tình hình Cảng Cát Lái bị ùn tắc thì phương tiện này đang phát huy hiệu quả. Năm 2014, Công ty quyết định đầu tư thêm 3 sà lan (trong đó mua 1 sà lan 84 teus và đóng mới 02 sà lan 128 teus). Sau khi đầu tư thêm, sẽ tăng số lượng sà lan lên 06 chiếc, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Hợp tác với Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An đầu tư góp vốn mua 01 tàu container.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc của công ty phù hợp và đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh trong thời điểm hiện tại do được đầu tư trong giai đoạn gần đây theo những công nghệ mới. Bên cạnh đó công ty áp dụng triệt để quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2008, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh nghiệp vụ kho bãi.

**7.4 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với chiến lược đa dạng hoá loại hình dịch vụ, mở rộng phạm vi kinh doanh, phát triển các loại hình dịch vụ có tỷ lệ sinh lời cao như kho ngoại quan, CFS, ICD, tác nghiệp container, giao nhận và vận chuyển hàng quá cảnh, hàng triển lãm hội chợ, hàng công trình, hàng của các cơ quan ngoại giao..., Transimex-Saigon luôn luôn tìm kiếm các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, cũng như hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ

Logistics của Transimex-Saigon, Hội Đồng Quản Trị Công ty Transimex-Saigon đã quyết định đầu tư xây dựng Trung tâm phân phối Transimex tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Trung tâm đã được khởi công xây dựng ngày 8/10/2012 và hoàn thành đúng tiến độ đặt ra sau 6 tháng thi công. Trung tâm phân phối Transimex có tổng diện tích 18.000 mét vuông, trong đó diện tích kho chiếm 12.000 mét vuông bao gồm hệ thống kho hàng bách hóa và kho ngoại quan riêng biệt, bãi đậu xe tải, xe đầu kéo rộng rãi. Hệ thống kho được trang bị khung kệ, phần mềm quản lý hiện đại, 04 xe nâng điện, 10 xe nâng tay tải trọng 3.000kg, cùng quy trình điều hành chuẩn (SOP) và đội ngũ nhân viên kinh nghiệm, đảm bảo việc giao nhận hàng hóa được nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, kho còn được trang bị hệ thống camera và bảo vệ 24/7, hệ thống chữa cháy tự động nhằm bảo đảm an toàn cho hàng hóa của khách hàng.

Chi nhánh Hà Nội triển khai thực hiện dịch vụ mới (lưu kho, phân phối hàng hóa) phục vụ cho các khách hàng lớn của Công ty. Loại hình dịch vụ này sẽ được triển khai thực hiện tại chi nhánh của Công ty tại Đà Nẵng trong cuối năm 2014. Dịch vụ Vận chuyển/Lưu kho/Phân phối tuy chưa có hiệu quả ngay nhưng đang dần hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ thực thụ.

Năm 2014, Công ty ký Hợp đồng Đại lý với hãng Tàu biển Dongjin Shipping (Hàn Quốc) khai thác tốt dịch vụ bán cước đường biển. Đồng thời, Công ty hợp tác với Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An để phát triển dịch vụ vận chuyển container tuyến Bắc Nam bằng đường biển (định tuyến), bước đầu đã có lợi nhuận và quan trọng là đã hình thành được một đội ngũ bán dịch vụ (sales) kết hợp giữa phòng Dịch Vụ Đại Lý Container và Trung tâm Vận chuyển Sà lan của Công ty, về dịch vụ là kết hợp giữa dịch vụ Booking vận chuyển đường biển quốc tế & nội địa.

#### **7.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Transimex-Saigon đã ký hợp đồng tư vấn với tập đoàn SGS nhằm xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận ISO 9001-2000 từ tháng 7/2003.

Chính sách chất lượng của Transimex-Saigon là luôn luôn cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao, uy tín cho khách hàng. Để đạt được điều này, Công ty đề ra mục tiêu như sau:

- ❖ Là nhà cung cấp dịch vụ tiếp vận Logistics, xây dựng thương hiệu Transimex-Saigon thực sự mạnh và có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Duy trì và ổn định phát triển dịch vụ bền vững, đáp ứng mọi yêu cầu của thị trường giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu.
- ❖ Xây dựng phương thức kinh doanh: Nhanh chóng – An toàn – Chính xác

#### **7.6 Hoạt động Marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Transimex-Saigon cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty, xúc tiến mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Công ty đã thành lập riêng bộ phận Sales – Marketing chuyên thực hiện công việc này. Cho tới nay, bộ phận Sales – Marketing đã góp phần không nhỏ trong việc duy trì hoạt động Công ty.

## **7.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

### **❖ Logo của Transimex-Saigon**



### **❖ Ý nghĩa của logo**

- Logo bao gồm tên thương hiệu và biểu tượng. Tên thương hiệu là các ký tự TMS (Mã chứng khoán của Transimex-Saigon) được đặt ở vị trí trung tâm tạo điểm nhấn cho toàn bộ logo.
- Logo được thiết kế như hình ảnh của hai cánh tay rắn chắc, cùng hợp lực nâng mái nhà Transimex-Saigon vươn lên mạnh mẽ và hướng tới mục tiêu phát triển chung của Công ty.
- Màu sắc trong logo được phối hợp sinh động giữa màu xanh dương, cam và xanh lá cây. Màu xanh dương là màu chủ đạo thể hiện ngành nghề truyền thống của Công ty, tạo cảm giác chắc chắn, đáng tin cậy, thể hiện khát vọng vươn lên tầm cao mới và hàm ý cho tiềm năng phát triển của Công ty. Màu cam và màu xanh lá cây thể hiện sự năng động và còn là màu sắc đặc trưng cho sự tăng trưởng, biến đổi không ngừng của thị trường chứng khoán. Sự tương phản màu sắc có tác dụng tạo ấn tượng ghi nhớ cho logo.
- Nhìn tổng thể, logo có bố cục chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa tên công ty và biểu tượng tạo thành một khối thống nhất biểu trưng cho sự bền vững và uy tín của công ty, đảm bảo tính hiện đại và dễ nhận biết trong hệ thống thương hiệu trên trường quốc tế.
- Logo của Công ty đã được đăng ký tại Cục Sở hữu Trí Tuệ trong năm 2008.

## **7.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

### **❖ Hợp đồng giao nhận hàng hóa**

- Công ty thường xuyên cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu với qui trình vận tải đa phương thức cho trên 100 đối tác .

### **❖ Hợp đồng kinh doanh dịch vụ ICD**

- Dịch vụ khai thác ICD gồm kinh doanh các loại hình kho bãi: Kho ngoại quan, kho thu gom hàng lẻ CFS, bãi chứa container, v.v... với hơn 100 khách hàng có hợp đồng thường xuyên.

### **❖ Hợp đồng khai thác bến sà lan**

- Công ty có hợp đồng dài hạn với nhiều cảng lớn trong khu vực. Cụ thể Cảng Khánh Hội, cảng VICT, Cảng Tân Cảng, Cảng Saigon, Bến Nghé, Tân Thuận, Công ty Vận chuyển Đường sông.

**Bảng 11. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện**

| <b>S<br/>T<br/>T</b>     | <b>Tên HĐ/<br/>Tên đối tác trong HĐ</b>       | <b>Số HĐ</b>                | <b>Thời gian thực hiện</b>   | <b>Loại hình<br/>dịch vụ</b> |
|--------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b><u>A- Cảng</u></b>    |                                               |                             |                              |                              |
| 1                        | Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn             | 177/TCT-KHKD-2014           | Từ 01/01 đến 31/12/2014      | Dịch vụ ICD                  |
| 2                        | Công ty LD Cảng container Trung Tâm Sài Gòn   |                             | Từ 24/10/2008 đến 31/12/2014 | Dịch vụ ICD                  |
| 3                        | Công ty LD Phát triển tiếp vận số 1           |                             | Từ 01/07/2013 đến 30/06/2015 | Dịch vụ ICD                  |
| <b><u>B-Hãng Tàu</u></b> |                                               |                             |                              |                              |
| 1                        | APL-NOL (Việt Nam)                            |                             | Từ 01/01 đến 31/12/2014      | Dịch vụ ICD                  |
| 2                        | Mediterranean Shipping                        | 57/ICD-TMS/2014             | Từ 01/01/2014 (dài hạn)      | Dịch vụ ICD                  |
| 3                        | Hanjin Shipping (Việt Nam)                    | 17/ICD-TMS/2014             | Từ 01/01/2014 (dài hạn)      | Dịch vụ ICD                  |
| 4                        | KMTC (Việt Nam)                               |                             | Từ 01/08/2008 đến 31/12/2014 | Dịch vụ ICD                  |
| 5                        | Maersk Việt Nam                               |                             | Từ 28/4/2010 đến 31/12/2014  | Dịch vụ ICD                  |
| 6                        | Công Ty CP Xi Măng Hà Tiên 1                  | 252/ICD.TMS.2014            | Từ 23/06/2014 đến 31/12/2014 | Dịch vụ ICD                  |
| 7                        | CÔNG TY PACIFIC INTERNATIONAL LINES (PTE) LTD | 470/ICD-TMS/2013            | Từ 18/12/2013 đến 31/12/2014 | Dịch vụ ICD                  |
| 8                        | CTY TNHH MTV XNK 2/9 DAKLAK                   | 55/ICD-TMS/2014             | Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 | Dịch vụ ICD                  |
| <b><u>C-KHO LẠNH</u></b> |                                               |                             |                              |                              |
| 1                        | Công Ty CP TM XNK Liên Anh                    | 10TT/HĐKL.TMS.2014          | Từ 07/07/2014 (1 năm)        | Dịch vụ kho lạnh             |
| 2                        | Công ty CP Nha Trang SEAFOODS F89             | 09TT/HĐKL.TMS.2014          | Từ 01/07/2014 (1 năm)        | Dịch vụ kho lạnh             |
| 3                        | Công ty CP Chăn Nuôi CP Việt Nam-CN Đồng Nai  | 01TT/HĐKL.TMS.2014          | Từ 24/01/2014 (06 tháng)     | Dịch vụ kho lạnh             |
| 4                        | Công ty TNHH XNK SCANDINAVIAN SEAFOOD         | 03TT/HĐKL.TMS.2014          | Từ 20/02/2014 (01 năm)       | Dịch vụ kho lạnh             |
| 5                        | Chi nhánh Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam    | Bdg001/2014TT/HĐKL.TMS.2014 | Từ 15/01/2014 (06 tháng)     | Dịch vụ kho lạnh             |
| <b><u>C-CFS</u></b>      |                                               |                             |                              |                              |
| 1                        | Kuehn Nagel                                   |                             | Từ 01/04/2013 (3 năm)        | Dịch vụ CFS                  |

| S<br>T<br>T                        | Tên HĐ/<br>Tên đối tác trong HĐ | Số HĐ                    | Thời gian thực hiện     | Loại hình<br>dịch vụ      |
|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| 2                                  | Cty TNHH TM-DV GNV<br>Cửu Long  | 234/CFS-ICD-<br>TMS/2012 | Từ 12/06/2012 (dài hạn) | Dịch vụ CFS               |
| <b><u>D- Kho ngoại quan</u></b>    |                                 |                          |                         |                           |
| 1                                  | OLAM                            | 36KV/08 - 98KV/09        | Từ 10/01/2008 (dài hạn) | Dịch vụ Kho<br>ngoại quan |
| 2                                  | VIỆT KIM                        | 178TH/08 –<br>131KV/09   | Từ 01/07/2008 (dài hạn) | Dịch vụ Kho<br>ngoại quan |
| <b><u>D- Kho DC BÌNH DƯƠNG</u></b> |                                 |                          |                         |                           |
| 1                                  | Lamsoon                         | 04/TMSDC                 | Từ 01/08/2014 (2 năm)   | Kho thường                |
| 2                                  | Good Food                       | 06/TMSDC                 | Từ 30/10/2013 (2 năm)   | Kho thường                |
| 3                                  | Vinaman                         | 08/TMSDC                 | Từ 12/11/2013 (1 năm)   | Kho thường +<br>NG        |
| 4                                  | Vinasiam                        | 09/TMSDC                 | Từ 25/11/2013 (1 năm)   | Kho thường                |
| 5                                  | Green Dragon                    | 010414/GD-TMSDC          | Từ 21/05/2014 (1 năm)   | Kho thường                |
| 6                                  | Soul Gear Vina                  | 11/TMSDC                 | Từ 21/02/2014 (dài hạn) | Kho thường                |
| 7                                  | Nippon Express                  | 20/NEVN-<br>TMS.DC/14    | Từ 22/04/2014 (dài hạn) | Kho Ngoại<br>Quan         |
| 8                                  | Southern Star                   | 21/NEVN-<br>TMS.DC/14    | Từ 01/10/2013 (dài hạn) | Kho Ngoại<br>Quan         |
| 9                                  | Logitem                         | 05/08/13/TMS DC          | Từ 01/07/2014 (dài hạn) | Kho thường                |
| 10                                 | New Viet                        | 25.DTV-TMS.DC-<br>2014   | Từ 15/07/2014 (1 năm)   | Kho thường                |
| 11                                 | Gemadept                        | 24/GMD-<br>TMS.DC/14     | Từ 15/07/2014 (0,5 năm) | Kho thường                |
| 12                                 | Firmenich                       | 29/FMN-TMS.DC/14         | Từ 23/07/2014 (1 tháng) | Kho thường                |
| 13                                 | R&B Food supply                 | 30/RBF-TMS.DC/14         | Từ 01/08/2014 (1 năm)   | Kho thường                |
| 14                                 | Steinweg                        | 02/TMSDC-CSWVN           | Từ 16/07/2014 (1 năm)   | Kho Ngoại<br>Quan         |
| <b><u>E- Dịch vụ khác</u></b>      |                                 |                          |                         |                           |
| 1                                  | NH Quân đội                     | 4/TMSBuilding/09         | 10 năm                  | Cho thuê VP               |

Nguồn: TMS

*Ghi chú: Do đặc thù của hợp đồng là hợp đồng nguyên tắc, nên không xác định được Tổng giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết hợp đồng.*

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 12. Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                      | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013 | % tăng<br>giảm | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------|----------|----------------|-------------------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản          | 755.678                               | 836.511  | 11%            | 863.833                 |
| 2   | Doanh thu thuần               | 308.941                               | 398.368  | 29%            | 227.317                 |
| 3   | Lợi nhuận từ HĐKD             | 38.481                                | 52.374   | 36%            | 30.738                  |
| 4   | Lợi nhuận khác                | (29)                                  | 769      |                | 435                     |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế          | 77.831                                | 110.701  | 42%            | 66.383                  |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế            | 67.313                                | 97.058   | 44%            | 59.121                  |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ<br>tức | 34,3%                                 | 28,5%    |                |                         |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014*

## 9. Chính sách cổ tức

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp, tùy đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh cho phép mà HĐQT có thể quyết định tạm chia cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 6 tháng/lần hoặc cả năm.

**Bảng 13. Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá qua các năm**

| Chỉ tiêu                      | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013 | Năm 2014 |
|-------------------------------|---------------------------------------|----------|----------|
| Tỷ lệ cổ tức trên mệnh<br>giá | 10%                                   | 18%      | 18 – 21% |

*Nguồn: TMS*

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1 Các chính sách kế toán

#### a. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng

năm được áp dụng phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/10/2009. Trước ngày 01/01/2010, Công ty tiến hành trích khấu hao theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

**Bảng 14. Số năm khấu hao**

| STT | Các loại tài sản                | Số năm  |
|-----|---------------------------------|---------|
| 1   | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25 – 50 |
| 2   | Máy móc và thiết bị             | 05      |
| 3   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 02 – 10 |
| 4   | Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 04 – 10 |
| 5   | Tài sản cố định hữu hình khác   | 05      |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 TMS*

**b. Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2013 là 8,5 triệu đồng/người/tháng, 6 tháng năm 2014 đạt 9 triệu đồng/người/tháng, ở mức trung bình so với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn TP.HCM.

**c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty hiện nay không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

**d. Các khoản phải nộp theo luật định**

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại của Công ty là 25%. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

**e. Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHCĐ thường niên quyết định trên cơ sở tuân thủ các chế độ chính sách của Nhà nước. Hàng năm, Công ty trích 5% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính và được trích cho đến khi Quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Công ty trích theo quy định của pháp luật.

**Bảng 15. Thực hiện trích lập các Quỹ**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Các quỹ                                | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013 | Kế hoạch năm<br>2014 |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------|----------|----------------------|
| 1   | Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh (15%) | 4.984                                 | 3.796    | 7.379                |
| 2   | Quỹ dự phòng tài chính (5%)            | 1.661                                 | 1.265    |                      |

Đơn vị: triệu đồng

| STT              | Các quỹ                             | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013     | Kế hoạch năm<br>2014 |
|------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------|----------------------|
| 3                | Quỹ khen thưởng (8%)                | 1.990                                 | 2.253        | 2.953                |
| 4                | Quỹ phúc lợi (3-4%)                 | 740                                   | 835          | 1.098                |
| 5                | Quỹ hoạt động của HĐQT,<br>BKS (3%) | 842                                   | 988          | 1.249                |
| <b>Tổng cộng</b> |                                     | <b>10.217</b>                         | <b>9.138</b> | <b>12.679</b>        |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán giai đoạn 1/4/2012 đến 31/12/2012, Báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2013, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 18/04/2014 TMS

## 10.2 Số liệu tài chính cơ bản

### a. Tổng dư nợ vay

**Bảng 16. Tổng dư nợ vay**

Đơn vị: triệu đồng

| STT               | Chỉ tiêu     | Giai đoạn 1/4/2012<br>– 31/12/2012 | Năm 2013       | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-------------------|--------------|------------------------------------|----------------|-------------------------|
| 1                 | Vay ngắn hạn | 42.286                             | 65.571         | 78.509                  |
| 2                 | Vay dài hạn  | 56.700                             | 60.511         | 44.713                  |
| <i>Trong đó</i>   |              |                                    |                |                         |
| <i>Nợ quá hạn</i> |              | -                                  | -              | -                       |
| <b>Tổng cộng</b>  |              | <b>98.986</b>                      | <b>126.082</b> | <b>123.222</b>          |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS

- ❖ Các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty và các khoản vay dài hạn bổ sung vốn cho việc đầu tư tài sản cố định của Công ty.
- ❖ Công ty không có khoản nợ vay nào quá hạn hay chậm trả.

**Bảng 17. Tình hình dư nợ ngắn hạn của công ty**

Đơn vị: triệu đồng

| STT                           | Vay và nợ ngắn hạn                                                            | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013      | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|-------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b> |                                                                               | <b>30.000</b>                         | <b>49.773</b> | <b>50.340</b>           |
| 1                             | Chi nhánh Ngân hàng TNHH<br>một thành viên Shinhan Việt<br>Nam – sở Giao dịch | 30.000                                | 49.773        | 48.775                  |
| 2                             | Ngân hàng TNHH MTV                                                            |                                       |               | 1.565                   |

|                                |               |               |               |
|--------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| HSBC Việt Nam                  |               |               |               |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b> | <b>12.286</b> | <b>15.798</b> | <b>28.169</b> |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>42.286</b> | <b>65.571</b> | <b>78.509</b> |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS*

**Bảng 18. Tình hình dư nợ dài hạn của công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Vay và nợ dài hạn                                                                   | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013      | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|-------------------------|
|     | <b>Vay dài hạn ngân hàng</b>                                                        | <b>56.700</b>                         | <b>60.511</b> | <b>44.713</b>           |
| 1   | Ngân hàng thương mại cổ<br>phần hàng hải Việt Nam – chi<br>nhánh TP. Hồ Chí Minh    | 14.602                                | -             |                         |
| 2   | Ngân hàng thương mại cổ<br>phần quân đội – Chi nhánh<br>Sài Gòn                     | 6.491                                 | -             |                         |
| 3   | Ngân hàng thương mại cổ<br>phần ngoại thương Việt Nam<br>– Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | 4.800                                 | -             |                         |
| 4   | Chi nhánh Ngân hàng TNHH<br>một thành viên Shinhan Việt<br>Nam – Sở Giao dịch       | 30.807                                | 60.511        | 44.713                  |
|     | <b>Trái phiếu chuyển đổi</b>                                                        | <b>-</b>                              | <b>-</b>      | <b>-</b>                |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                    | <b>56.700</b>                         | <b>60.511</b> | <b>44.713</b>           |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS*

**b. Tình hình công nợ hiện nay**

**Bảng 19. Tình hình các khoản phải thu**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu                               | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013 | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------|----------|-------------------------|
| 1   | Phải thu của khách hàng                | 35.201                                | 47.460   | 51.608                  |
| 2   | Trả trước cho người bán                | 4.872                                 | 2.435    | 8.536                   |
| 3   | Các khoản phải thu khác                | 7.456                                 | 7.592    | 7.410                   |
| 4   | Dự phòng các khoản phải<br>thu khó đòi | (404)                                 | (404)    | (404)                   |

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu         | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013      | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-----|------------------|---------------------------------------|---------------|-------------------------|
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>47.125</b>                         | <b>57.083</b> | <b>67.150</b>           |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS

**Bảng 20. Tình hình các khoản phải trả**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                                 | Giai đoạn<br>1/4/2012 –<br>31/12/2012 | Năm 2013       | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|----------------|-------------------------|
|     | <b>Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>117.295</b>                        | <b>136.888</b> | <b>139.370</b>          |
| 1   | Vay và nợ ngắn hạn                       | 42.286                                | 65.571         | 78.509                  |
| 2   | Phải trả cho người bán                   | 47.058                                | 27.931         | 22.579                  |
| 3   | Người mua trả tiền trước                 | 402                                   | 443            | 24                      |
| 4   | Thuế và các khoản phải nộp cho NN        | 4.975                                 | 5.099          | 8.433                   |
| 5   | Phải trả người lao động                  | 6.282                                 | 3.535          | 3.394                   |
| 6   | Chi phí phải trả                         | 5.014                                 | 6.871          | 12.878                  |
| 7   | Phải trả nội bộ                          | -                                     | -              | -                       |
| 8   | Các khoản phải trả, phải nộp khác        | 8.165                                 | 25.172         | 9.905                   |
| 9   | Quỹ khen thưởng phúc lợi                 | 3.112                                 | 2.265          | 3.647                   |
| 10  | Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty | -                                     | -              | -                       |
|     | <b>Nợ dài hạn</b>                        | <b>62.448</b>                         | <b>66.580</b>  | <b>50.840</b>           |
| 1   | Phải trả dài hạn người bán               | -                                     | -              | -                       |
| 2   | Phải trả dài hạn khác                    | 5.717                                 | 6.038          | 6.096                   |
| 3   | Vay và nợ dài hạn                        | 56.700                                | 60.511         | 44.713                  |
| 4   | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả          | 31                                    | 31             | 31                      |
| 5   | Dự phòng trợ cấp mất việc làm            | -                                     | -              | -                       |
| 6   | Doanh thu thực hiện                      | -                                     | -              | -                       |
|     | <b>Tổng cộng</b>                         | <b>179.743</b>                        | <b>203.468</b> | <b>190.210</b>          |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS

**c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 21. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Chỉ tiêu                                                                     | NĐTC<br>01/01/2012-<br>31/12/2012 | NĐTC<br>01/01/2013-<br>31/12/2013 | 6 tháng đầu năm<br>2014 |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                    |                                   |                                   |                         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)<br>TSLĐ/Nợ ngắn hạn                        | 1,41                              | 1,50                              | 1,41                    |
| + Hệ số thanh toán nhanh (lần)<br>TSLĐ – Hàng tồn kho<br>Nợ ngắn hạn         | 1,28                              | 1,38                              | 1,36                    |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                             |                                   |                                   |                         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)                                                  | 24%                               | 24%                               | 22%                     |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(%)                                                 | 31%                               | 32%                               | 28%                     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                     |                                   |                                   |                         |
| + Vòng quay hàng tồn kho(vòng)<br>Giá vốn hàng bán<br>Hàng tồn kho bình quân | 16,84                             | 19,77                             | 15,83                   |
| + Vòng quay tài sản                                                          | 41%                               | 48%                               | 26%                     |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                      |                                   |                                   |                         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)                               | 22%                               | 24%                               | 26%                     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%) – ROE                          | 12%                               | 15%                               | 8%                      |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) – ROA                            | 9%                                | 12%                               | 7%                      |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần (%)               | 12%                               | 13%                               | 14%                     |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Tổng tài sản (%)                   | 5%                                | 6%                                | 4%                      |
| + Thu nhập trên cổ phần (EPS)                                                | 3.136                             | 4.207                             | 2.563                   |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 01/04/2012 – 31/12/2012, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014 TMS và tính toán của SSI*

## 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.1 Hội đồng quản trị

#### a. Danh sách

**Bảng 22. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                                 | Năm sinh   | Số CMND   |
|-----|-------------------|-----------------------------------------|------------|-----------|
| 1   | Bùi Tuấn Ngọc     | Chủ tịch HĐQT                           | 21/02/1965 | 022762898 |
| 2   | Lê Duy Hiệp       | Phó Chủ tịch HĐQT<br>kiêm Tổng Giám đốc | 05/12/1963 | 020521552 |
| 3   | Vũ Chinh          | Thành viên HĐQT                         | 20/01/1962 | 011678883 |
| 4   | Nguyễn Phan Dũng  | Thành viên HĐQT                         | 03/08/1980 | 012050575 |
| 5   | Nguyễn Duy Khánh  | Thành viên HĐQT                         | 21/07/1991 | 012919498 |
| 6   | Toshiyuki Matsuda | Thành viên HĐQT                         | 15/06/1978 | TK1291814 |
| 7   | Huỳnh Minh Thảo   | Thành viên HĐQT                         | 15/11/1958 | 022829360 |
| 8   | Đỗ Xuân Quang     | Thành viên HĐQT                         | 25/10/1962 | 023008677 |
| 9   | Bùi Minh Tuấn     | Thành viên HĐQT                         | 27/10/1976 | E4101434  |

Nguồn: TMS

#### b. Sơ yếu lý lịch

##### ❖ Ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Bùi Tuấn Ngọc
- Số CMND: 022762898 cấp ngày 12/7/2004 tại Công an TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 06, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc: (08) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương, Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Vina (VINAINVEST)
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt

- Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight
- Giám đốc Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải
- Quá trình công tác:

| Thời gian      | Nơi làm việc                                  | Chức vụ                |
|----------------|-----------------------------------------------|------------------------|
| 1988 – 1992    | Xí nghiệp XDCEB SEAPRODEX – Bộ Thủy sản       | Cán bộ                 |
| 1992 – 1993    | Liên hiệp DVSXTM TP. Hồ Chí Minh              | Cán bộ                 |
| 1993 – 1994    | Trung tâm TM LD Việt-Xô TP.HCM (ROSVIETIMPEX) | Cán bộ                 |
| 1994 – 1996    | Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải (TP.HCM)      | Giám đốc               |
| 1996 – 01/2008 | Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải (TP.HCM)      | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD |
| 01/2008 – nay  | Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải (TP.HCM)      | Tổng Giám đốc          |
| 2006 – 03/2008 | Công ty Transimex-Saigon                      | Thành viên HĐQT        |
| 05/2007 – nay  | Công ty CP Đầu tư Vina                        | Chủ tịch HĐQT          |
| 04/2008 – nay  | Công ty Transimex-Saigon                      | Chủ tịch HĐQT          |
| 2009 – nay     | Công ty CP Đầu tư Toàn Việt                   | Chủ tịch HĐQT          |
| 2012 – nay     | Công ty CP Vinafreight                        | Phó Chủ tịch HĐQT      |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: 104.980 cổ phiếu, chiếm 0,45% VDL
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan:

| Tên cá nhân/Tổ chức                     | Chức vụ/<br>quan hệ | Số CP sở hữu<br>(TMS) | Tỉ lệ CP sở hữu/VDL |
|-----------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| Ông Bùi Minh Tuấn                       | Em                  | 1.780.346             | 7,72%               |
| Cty CP Đầu tư Vina                      | Chủ tịch HĐQT       | 1.917.840             | 8,31%               |
| Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải | Giám đốc            | 221.516               | 0,96%               |
| Công ty CP Đầu tư Toàn Việt             | Chủ tịch HĐQT       | 2.940.024             | 12,74%              |

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Lê Duy Hiệp – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Lê Duy Hiệp
- Số CMND: 020521552 cấp ngày 24/12/2004 tại TP HCM

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/12/1963
- Nơi sinh: Tây Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 40/6 Huỳnh Đình Hai, phường 14, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: (08) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Dịch Vụ Hàng Hải (MACS Shipping )
  - Thành viên HĐQT Công Ty Liên Doanh Vận Tải Công Nghệ Cao (Transvina)
  - Thành viên HĐQT Công Ty CP Hàng hải Sài Gòn (SHC)
- Quá trình công tác:

| Thời gian           | Nơi làm việc                                         | Chức vụ                            |
|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1990-1998           | Công Ty Cung Ứng Tàu Biển Tp.HCM                     | Trưởng Phòng Đại Lý Tàu Biển       |
| 1998-2004           | Công Ty CP Dịch Vụ Hàng Hải                          | Phó Giám đốc                       |
| 2004- T4/2009       | Công Ty CP Dịch Vụ Hàng Hải                          | Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT |
| 2004-nay            | Công Ty Liên Doanh Vận Tải Công Nghệ Cao (Transvina) | Thành viên HĐQT                    |
| Từ T3/2009- T8/2011 | Công ty CP Transimex-Saigon                          | Thành viên HĐQT                    |
| Từ T5/2009 – nay    | Công Ty CP Dịch Vụ Hàng Hải                          | Chủ tịch HĐQT                      |
| Từ T5/2009-nay      | Công ty CP Transimex-Saigon                          | Tổng Giám đốc                      |
| Từ T9/2011-nay      | Công ty Transimex-Saigon                             | Phó Chủ tịch HĐQT                  |
| Từ T5/2012-nay      | Công ty CP Vinafreight                               | Thành viên HĐQT                    |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: 62.981 cổ phiếu, chiếm 0,27% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan:

| Tên cá nhân/Tổ chức | Chức vụ/<br>quan hệ | Số CP sở hữu | Tỉ lệ CP sở hữu |
|---------------------|---------------------|--------------|-----------------|
| Cty CP DV Hàng Hải  | Chủ tịch HĐQT       | 63,746       | 0.28%           |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Vũ Chính – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Vũ Chính
- Số CMND: 011678883 cấp ngày 07/08/2002 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/01/1962
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 35 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.38218448
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp khoa Tín dụng- Trường Cao cấp nghiệp vụ ngân hàng ( Nay là Học viện Ngân hàng)
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV XNK và Thương mại HANECO
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Nơi làm việc                                                                                              | Chức vụ                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1984 - 1990       | Trường Ngân hàng IV Sơn Tây - Hà Nội                                                                      | Giáo viên                                             |
| 1990 - 1993       | Công ty Hợp tác kinh tế với nước ngoài (HANECO) nay đổi tên là công ty Dịch vụ XNK và thương mại (HANECO) | Kế toán viên                                          |
| 1993 - 1999       | Công ty HANECO                                                                                            | Kế toán viên; Phó phòng kế toán; Trưởng phòng Kế toán |
| 1999 - 2007       | Công ty HANECO                                                                                            | Kế toán trưởng                                        |
| 03/2007 - 11/2007 | Công ty HANECO                                                                                            | Phó giám đốc phụ trách                                |

| Thời gian         | Nơi làm việc                              | Chức vụ                     |
|-------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|
| 11/2007 - 07/2010 | Công ty HANECO                            | Giám đốc                    |
| 08/2010 - nay     | Công ty TNHH MTV XNK và Thương mại HANECO | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 187.975 cổ phiếu, chiếm 0,81% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 151.838 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Nguyễn Phan Dũng – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Phan Dũng
- Số CMND: 012050575 cấp ngày 27/06/2012 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 66 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: (84.4) 39366321
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Thành viên HĐQT CTCP Chiếu xạ An Phú
  - Phó Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Nơi làm việc                    | Chức vụ            |
|---------------|---------------------------------|--------------------|
| 2007 – 2011   | Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI    | Chuyên viên Đầu Tư |
| 2011 – 2013   | Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI    | Giám Đốc Đầu Tư    |
| 2013 – nay    | Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI    | Phó Tổng Giám đốc  |
| 04/2014 – nay | Công ty Transimex-Saigon        | Thành viên HĐQT    |
| 04/2014 – nay | Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú | Thành viên HĐQT    |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 4,639,836 cổ phần, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI, chiếm 20,11%
- Sở hữu của người có liên quan:

Phan Thanh Bích, Mẹ, 11CP, 0% vốn điều lệ

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Duy Khánh
- Số CMND: 012919498 cấp ngày 16/07/2009 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/07/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 54 ngách 61/17 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: (04) 3936 6321
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH NDH
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Nơi làm việc                | Chức vụ         |
|---------------|-----------------------------|-----------------|
| 10/2009 – nay | Công ty TNHH NDH Việt Nam   | Tổng Giám Đốc   |
| 4/2013 - nay  | Công ty CP Transimex-Saigon | Thành viên HĐQT |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: không có
  - Sở hữu cá nhân: không có
  - Sở hữu của người có liên quan: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Toshiyuki Matsuda – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Toshiyuki Matsuda

- Số CMND: (PASSPORT) TK1291814 nơi cấp Nhật Bản ngày cấp 25/02/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/06/1978
- Nơi sinh: Nhật Bản
- Quốc tịch: Nhật Bản
- Địa chỉ thường trú: 4-345-1-1514, Tsukagoshi, Saiwai-Ku, KawasakiCity, Kanagawa, 212-0024, JAPAN
- Số điện thoại liên lạc: (08) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Phó tổng giám đốc (Ryobi Holdings Co., Ltd)
  - Giám đốc công ty TNHH Casco
- Quá trình công tác:

| Thời gian          | Nơi làm việc             | Chức vụ            |
|--------------------|--------------------------|--------------------|
| 04/2008-01/ 2009   | Ryobi Systems Co., Ltd   | Giám đốc điều hành |
| 02/ 2009- hiện tại | Ryobi Systems Co., Ltd   | Giám đốc điều hành |
| 06/ 2009-05/2011   | Ryobi Holdings Co., Ltd  | Giám đốc điều hành |
| 06/ 2011-05/2014   | Ryobi Holdings Co., Ltd  | Giám đốc điều hành |
| 03/2013-hiện tại   | Casco Investment Limited | Giám đốc           |
| 06/ 2014-hiện tại  | Ryobi Holdings Co., Ltd  | Phó tổng giám đốc  |
| 4/2013- hiện tại   | Cty CP Transimex-Saigon  | Thành viên HĐQT    |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: Không có
  - Sở hữu đại diện: Casco Investment Limited (Ryobi Holdings 100%). Sở hữu số cổ phần 5,745,310 (24.9%)
  - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ) : Casco Investment Limited (Ryobi Holdings 100%), Giám đốc. Sở hữu số cổ phần 5,745,310 (24.9%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành : Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Huỳnh Minh Thảo – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Huỳnh Minh Thảo

- Số CMND: 022829360 cấp ngày 25/10/2002 tại CA TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1958
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 539/4 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: (08) 38122 922
- Trình độ chuyên môn: Giao nhận vận tải
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Nippon Việt Nam
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Nơi làm việc                       | Chức vụ                              |
|---------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| 06/1983       | Công ty Transimex-Saigon           | Nhân viên                            |
| 1990          | Công ty Transimex-Saigon           | Phó Phòng Giao Nhận                  |
| 1993          | Công ty Transimex-Saigon           | Trưởng Phòng Giao Nhận               |
| 1999 – 2000   | Công ty Transimex-Saigon           | Phó Giám Đốc Công ty                 |
| 2000 - nay    | Công ty Transimex-Saigon           | Thành viên HĐQT                      |
| 10/2000 – nay | Công ty Liên doanh NIPPON Việt Nam | Thành viên HĐQT<br>Phó Tổng Giám Đốc |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 206.405 CP, chiếm 0,89% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: Không
  - Sở hữu của người có liên quan: Vợ : LÊ SƠN THỦY, Sở hữu 63.006 CP, chiếm 0,27% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Đỗ Xuân Quang – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Đỗ Xuân Quang
- Số CMND: 023008677 cấp ngày 12/3/2013 tại TP.HCM
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1962
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 18 Đặng Thị Nhu, Q.1, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 08.35472 474
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Vietway
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Vector Aviation
  - Giám đốc khai thác thương mại hàng hóa Vietjetair
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Nơi làm việc                | Chức vụ                                   |
|---------------|-----------------------------|-------------------------------------------|
| 2004 - nay    | Công ty CP Vinafreight      | Thành viên HĐQT                           |
| 2009 - nay    | Công ty Vietway             | Chủ tịch HĐQT                             |
| 2013 - nay    | Công ty CP Transimex-Saigon | Thành viên HĐQT                           |
| T9/2014 - nay | Vector Aviation             | Chủ tịch HĐQT                             |
| T9/2014 - nay | Vietjet Air                 | Giám đốc khai thác<br>Thương mại hàng hóa |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: Không có
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

❖ **Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Bùi Minh Tuấn
- Số hộ chiếu: E4101434 cấp ngày 21/03/2013 tại Úc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/02/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Australia

- Địa chỉ thường trú: Số 109/12 Nguyễn Thượng Hiền , Phường Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: (08) 38205 969
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Giám đốc tài chính Công ty TNHH Đầu Tư Đất Mới
- Quá trình công tác:

| Thời gian   | Nơi làm việc                | Chức vụ            |
|-------------|-----------------------------|--------------------|
| 2002-2014   | Công ty TNHH Đầu Tư Đất Mới | Giám đốc tài chính |
| T4/2013-nay | Cty CP Transimex-Saigon     | Thành viên HĐQT    |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 1.780.346 cổ phiếu, chiếm 7,72% VDL
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan: Bùi Tuấn Ngọc, Anh trai, sở hữu 104.980 cổ phiếu, chiếm 0,45% VDL
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

## 11.2 Ban Tổng Giám đốc

### a. Danh sách

**Bảng 23. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc**

| STT | Họ và tên       | Chức vụ                            | Năm sinh   | Số CMND   |
|-----|-----------------|------------------------------------|------------|-----------|
| 1   | Lê Duy Hiệp     | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 05/12/1963 | 020521552 |
| 2   | Nguyễn Hồng Sơn | Phó Tổng Giám đốc                  | 19/03/1971 | 022081254 |
| 3   | Nguyễn Chí Đức  | Phó Tổng Giám đốc                  | 24/10/1969 | 022382737 |
| 4   | Tôn Thất Hưng   | Phó Tổng Giám đốc                  | 11/12/1965 | 022498878 |

Nguồn: TMS

### b. Sơ yếu lý lịch

#### ❖ Ông Lê Duy Hiệp – Tổng Giám đốc

(xem 11.1.2.)

#### ❖ Ông Nguyễn Hồng Sơn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Sơn

- Số CMND: 022081254 cấp ngày 31/12/2008 tại CA. TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/03/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 174/14 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: (08) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Nơi làm việc             | Chức vụ           |
|-------------------|--------------------------|-------------------|
| 01/1994 – 10/2009 | Công ty Transimex-Saigon | Nhân viên         |
| 11/2009 – 03/2014 | Công ty Transimex-Saigon | Giám Đốc ICD      |
| 04/2014 – nay     | Công ty Transimex-Saigon | Phó Tổng Giám Đốc |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Cá nhân: 06 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Nguyễn Chí Đức – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Chí Đức
- Số CMND: 022382737 ngày cấp 21/02/2013 tại CA TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/10/1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 184 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú nhuận, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: (84.8) 22202722
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-Trans)
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Nơi làm việc     | Chức vụ                               |
|---------------|------------------|---------------------------------------|
| 1994 – 5/2008 | Transimex-Saigon | Nhân viên, Trưởng phòng nghiệp vụ Cty |
| 6/2008 – nay  | Transimex-Saigon | Phó Tổng Giám Đốc                     |
| 12/2008 - nay | TMS-Trans        | Chủ tịch HĐQT                         |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 101.684 cổ phiếu, chiếm 0,44%VĐL
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Tôn Thất Hưng – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Tôn Thất Hưng
- Số CMND: 022498878 cấp ngày 02/04/2002 tại CA TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1965
- Nơi sinh: Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 47/42/27/11 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: (84.8) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Chiêu xạ An Phú.
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Nơi làm việc                            | Chức vụ            |
|------------------|-----------------------------------------|--------------------|
| Từ 1986 đến 1993 | Công ty Sửa chữa Tàu biển và Giàn khoan | Công nhân kỹ thuật |

| Thời gian        | Nơi làm việc                           | Chức vụ                               |
|------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|
| Từ 1993 đến 1995 | Công ty TNHH Lâm Sơn                   | Họa viên kiến trúc                    |
| Từ 1995 đến 2002 | VPĐD Danzas                            | Nhân viên bán dịch vụ                 |
| Từ 2002 đến 2003 | VPĐD DHL Danzas Air & Ocean            | Key Account Manager                   |
| Từ 2003 đến 2007 | VPĐD DHL Global Forwarding             | Asia Trade Lane Manager               |
| Từ 2007 đến 2011 | Cty CP Giao Nhận Toàn Cầu DHL Việt Nam | Trưởng phòng Logistics                |
| Từ 2011 đến nay  | Công ty CP Transimex-Saigon            | - Trưởng phòng Logistics<br>- Phó TGĐ |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: Không có
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

### 11.3 Ban Kiểm soát

#### a. Danh sách

**Bảng 24. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ        | Năm sinh   | Số CMND   |
|-----|------------------|----------------|------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh  | Trưởng BKS     | 08/12/1980 | 011975132 |
| 2   | Nguyễn Kim Hậu   | Thành viên BKS | 12/05/1984 | 301108051 |
| 3   | Nguyễn Bích Liên | Thành viên BKS | 12/08/1975 | 022840370 |

Nguồn: TMS

#### b. Sơ yếu lý lịch

##### ❖ Ông Nguyễn Tuấn Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Số CMND: 011975132 cấp ngày 18/06/2011 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/12/1980

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 10 ngõ 61 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: (04) 3936 6321
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát,
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Trưởng BKS CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
  - Thành viên BKS CTCP Vinafreight (VNF)
  - Thành viên BKS CTCP Truyền thông VMG
- Quá trình công tác:

| Thời gian            | Nơi làm việc                                  | Chức vụ          |
|----------------------|-----------------------------------------------|------------------|
| 4/2013 - nay         | Công ty CP Transimex-Saigon                   | Trưởng BKS       |
| 1/2009 - nay         | Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI                  | Chuyên viên      |
| 12/2006 –<br>12/2008 | Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam | Trợ lý kiểm toán |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: Không
  - Sở hữu đại diện: Không
  - Sở hữu của người có liên quan: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI, người sử dụng lao động, 4,639,836 cổ phiếu, 20,11% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Bà Nguyễn Kim Hậu – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Kim Hậu
- Số CMND: 301108051 cấp ngày 14/02/2014 tại CA Long An
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/05/1984
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh, TP Long An
- Số điện thoại liên lạc: (08) 22202888

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Kế toán trưởng Công ty CP In và TM Vina
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Nơi làm việc            | Chức vụ                  |
|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| 2005-2007         | Cty TNHH TM-DV V.S.C    | Kế toán tổng hợp         |
| T5/ 2007- đến nay | Cty CP Đầu Tư Vina      | Kế toán trưởng           |
| T6/2012 đến nay   | Cty CP In Và TM Vina    | Kế toán trưởng           |
| T4/2013 đến nay   | Cty CP Transimex-Saigon | Thành viên Ban kiểm soát |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 0 cp
  - Sở hữu đại diện: Công ty CP Đầu Tư Vina, sở hữu 1.917.840 cp, chiếm 8,31% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Công ty CP Đầu Tư Vina, mối quan hệ: Kế toán trưởng, sở hữu 1.917.840 cp, chiếm 8,31% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Bà Nguyễn Bích Liên – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Bích Liên
- Số CMND: 022840370 cấp ngày 18/03/2005 tại CA TP. HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 22 Cách Mạng tháng 8, phường 7, quận Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 08 39414919
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Kế toán trưởng CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam

- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vinafreight
- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Giao nhận vận tải ngoại thương
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Nơi làm việc                                 | Chức vụ              |
|------------------|----------------------------------------------|----------------------|
| Từ 2008 đến 2008 | Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TPHCM | Phó phòng KTTV       |
| Từ 2009 đến 2010 | Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TPHCM | Kế toán trưởng       |
| Từ 2011 đến nay  | CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam | Kế toán trưởng       |
| Từ 2012 đến nay  | CTCP Vinafreight                             | Trưởng ban kiểm soát |
| Từ 2012 đến nay  | CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương          | Trưởng ban kiểm soát |
| T4/2014 đến nay  | Cty CP Transimex-Saigon                      | Thành viên BKS       |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: Không có
  - Sở hữu đại diện: Không có
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

#### 11.4 Kế toán trưởng

##### a. Danh sách

**Bảng 25. Danh sách Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên   | Chức vụ        | Năm sinh   | Số CMND   |
|-----|-------------|----------------|------------|-----------|
| 1   | Lê Văn Hùng | Kế toán trưởng | 02/06/1975 | 024788459 |

Nguồn: TMS

##### b. Sơ yếu lý lịch

##### ❖ Ông Lê Văn Hùng – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Lê Văn Hùng
- Số CMND: 024788459 cấp ngày 07/05/2008 tại CA. TP. HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/06/1975
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: 192 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: (84.8) 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Transimex-Saigon
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex
- Quá trình công tác:

| Thời gian    | Nơi làm việc                                    | Chức vụ                         |
|--------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|
| 2009 -> 2010 | Transimex-Saigon                                | Phụ trách kế toán ICD Transimex |
| 2010-> nay   | Transimex-Saigon                                | Kế toán trưởng                  |
| 2013-> nay   | Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận Ngoại Thương | Kiểm soát viên                  |
| 2012-> nay   | Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex  | Kiểm soát viên                  |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành
  - Sở hữu cá nhân: 1.470 cổ phiếu, chiếm 0,006% VDL
  - Sở hữu đại diện: Không
  - Sở hữu của người có liên quan : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

## 12. Tài Sản

**Bảng 26. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013**

Đơn vị: triệu đồng

| STT                             | Chỉ tiêu                        | Nguyên giá     | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------|---------------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> |                                 | <b>393.775</b> | <b>167.719</b>         | <b>226.055</b>  |
| 1                               | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 176.301        | 46.736                 | 129.565         |
| 2                               | Máy móc và thiết bị             | 133            | 107                    | 27              |
| 3                               | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 186.380        | 105.380                | 81.000          |
| 4                               | Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 30.395         | 14.932                 | 15.463          |
| 5                               | Tài sản cố định khác            | 566            | 566                    | -               |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>  |                                 | <b>48.692</b>  | <b>1.544</b>           | <b>47.148</b>   |
| 1                               | Quyền sử dụng đất               | 46.994         | 923                    | 46.072          |

Đơn vị: triệu đồng

| STT                                    | Chỉ tiêu                 | Nguyên giá     | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|----------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
| 2                                      | Bản quyền, bằng sáng chế | 33             | 33                     | 0               |
| 3                                      | Phần mềm máy tính        | 1.665          | 588                    | 1.077           |
| <b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b> |                          |                |                        | <b>7.352</b>    |
| <b>Tổng cộng</b>                       |                          | <b>442.467</b> | <b>169.263</b>         | <b>280.555</b>  |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty CP Transimex-Sài Gòn

- ❖ Hiện tại toàn Công ty đến 31/12/2013 có 12 xe du lịch, 03 Sà lan, 19 xe đầu kéo và 24 rơmoóc, 5 xe tải, gần 200 xe và thiết bị chuyên dùng khác
- ❖ Nhà cửa vật kiến trúc bao gồm các mặt bằng, văn phòng làm việc, hệ thống kho bãi, bến sà lan, bãi chứa container, đường nội bộ trong cảng, trạm biển thể.

**Bảng 27. Danh mục một số nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lớn tại thời điểm 31/12/2013**

Đơn vị: triệu đồng

| STT              | Tên tài sản                          | Tổng diện tích(m <sup>2</sup> ) | Nguyên giá    | Giá trị còn lại |
|------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------|-----------------|
| 1                | Tòa nhà TMS Building                 | 2.011                           | 81.554        | 76.344          |
| 2                | Nhà tại 25-27 Hoàng Văn Thụ, Đà Nẵng | 236                             | 4.117         | 3.342           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      |                                 | <b>85.671</b> | <b>79.686</b>   |

Nguồn: TMS

**Bảng 28. Tình hình bất động sản mà Công ty đang sử dụng**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Địa chỉ                                       | Hình thức sở hữu | Thời hạn  | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) | Giá thuê (đồng/m <sup>2</sup> /năm) |
|-----|-----------------------------------------------|------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 172 - Hai Bà Trưng - Đa Kao - Q1              | Đất thuê         | 2000-2046 | 2.011,0                          | 409                                  | 7.607                           | 45.500                              |
| 2   | ICD - Transimex - Q Thủ Đức                   | Đất thuê         | 2001-2046 | 90.422,0                         | 90.422                               | 90.422                          | 5.530                               |
| 3   | Một phần Lô O, giáp đường số 26, tại KCN Sóng | Đất thuê         | 2012-2045 | 18.000                           | 11.561                               | 11.116                          | 72.362                              |

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Địa chỉ                                              | Hình thức sở hữu | Thời hạn | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) | Giá thuê (đồng/m <sup>2</sup> /năm) |
|-----|------------------------------------------------------|------------------|----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
|     | Thần 2, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, QSDĐ số: N 003728 |                  |          |                                  |                                      |                                 |                                     |

Nguồn: TMS

### 13. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 3 năm tới

Ngoài kế hoạch huy động nguồn vốn từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi lần này để đầu tư thêm một số tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động cho Công ty, TMS hiện chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu nào khác trong 3 năm tới.

### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

#### 14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

**Bảng 29. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014**

| STT | Chỉ tiêu                   | Kế hoạch kinh doanh  |                        |
|-----|----------------------------|----------------------|------------------------|
|     |                            | Năm 2014             | % tăng so với năm 2013 |
| 1   | Doanh thu thuần            | 369,9 tỷ             | -7%                    |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế       | 125 tỷ               | +13%                   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế         | 111 tỷ               | +14%                   |
| 4   | Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 30%                  | +30%                   |
| 5   | Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu  | 15,8%                | +2,9%                  |
| 6   | Cổ tức                     | 18 – 21%/vốn điều lệ | +1- 16,7%              |

#### 14.2 Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận ở trên được ước tính dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty, khả năng tăng trưởng và nhu cầu phát triển của thị trường trong thời gian tới. Một số dự án công ty sẽ nghiên cứu và triển khai trong năm 2014 - 2015 như sau:

- ❖ Tăng cường đầu tư cho hoạt động vận tải bằng sà lan bằng việc mua mới 1 sà lan có công suất vận chuyển là 128 TEUs để tận dụng ưu thế của vận tải đường sông khi vận tải đường bộ bị hạn chế về trọng tải.
- ❖ Tăng cường vốn lưu động cho Công ty để Công ty chủ động về vốn ngắn hạn, gia tăng sức mạnh cạnh tranh so với các đối thủ khác cùng ngành.
- ❖ Xây dựng thương hiệu Transimex-Saigon ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trong và ngoài nước.
- ❖ Phấn đấu tăng tốc phát triển về quy mô hoạt động cũng như vốn điều lệ, bảo đảm năng lực

cạnh tranh theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- ❖ Giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống là Nhật Bản, Châu Âu, Châu Á. Tiếp tục mở rộng thêm thị trường ở một số nước khác như: Nga, Mỹ và Châu Úc

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

- ❖ Dưới góc độ là nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.
- ❖ Chúng tôi nhận thấy Transimex-Saigon có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo có bản lĩnh và năng động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hàng hải. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua đã đạt hiệu quả nhất định.
- ❖ Mặc dù kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước còn chứa nhiều rủi ro nhưng chúng tôi hy vọng rằng tình hình trên sẽ được cải thiện sớm. Đồng thời với tiềm năng phát triển trong dài hạn của ngành và những lợi thế riêng có, Công ty đã chủ động nắm bắt các cơ hội hợp tác kinh doanh và đầu tư phương tiện vận tải chất lượng tốt, nâng cao trình độ quản lý và tay nghề của công nhân viên. Hiện nay, với việc thực hiện đa dạng hóa các dịch vụ hàng hải và cải thiện chất lượng dịch vụ, kinh nghiệm và uy tín của Transimex-Saigon ngày càng được nâng cao.
- ❖ Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2014 là khả thi nếu các dự đoán của Công ty về thị trường là sát thực tế và không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung và đến dự án đầu tư nói riêng.
- ❖ Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa bảo đảm được mức lợi tức cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên kế hoạch này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động của kinh tế trong nước nói chung và các doanh nghiệp khách hàng trong ngành xuất nhập khẩu nói riêng và là thách thức với ban lãnh đạo Công ty.
- ❖ Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả trái phiếu chào bán**

Không có

## **V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN**

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán:

Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005;

Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/6/2005; Luật Sửa đổi, Bổ sung Một số điều của Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2010;

Thông tư số 204/2012/TT-BTC hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng của Bộ Tài Chính ngày 19/11/2012;

Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Điều lệ của Tổ chức Phát hành

Nghị Quyết ngày 18/04/2014 của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2013-2014 của Tổ Chức Phát Hành; và

Nghị Quyết số 14/ NQHĐQT NK4-TMS-2014 ngày 14/8/2014 của Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt Phương Án Phát Hành Trái Phiếu Chuyển Đổi năm 2014.
2. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu chuyển đổi không có bảo đảm
3. Lãi suất: 7%/năm
4. Kỳ hạn Trái Phiếu: 02 năm kể từ Ngày Phát Hành
5. Kỳ hạn trả lãi:

Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên Trái Phiếu theo các quy định sau:

a) Lãi sẽ được thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi (như định nghĩa dưới đây):

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa là mỗi ngày tròn 12 (mười hai) tháng tính từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu với điều kiện là nếu ngày đó không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Thanh Toán Lãi có liên quan sẽ rơi vào Ngày Làm Việc ngay sau đó.

“Ngày phát hành” là ngày hoàn thành việc thu tiền cuối cùng từ các trái chủ, bao gồm cả phần xử lý trái phiếu từ chối mua và trái phiếu lẻ.

“Ngày Làm Việc” có nghĩa là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ lễ nào tại Việt Nam) mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Việt Nam.

b) Đối với kỳ hạn thanh toán lãi đầu tiên, lãi sẽ phát sinh từ và gồm cả ngày Ngày Phát Hành đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và

c) Đối với kỳ hạn thanh toán lãi tiếp theo, lãi sẽ phát sinh từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của kỳ thanh toán lãi liền kề trước đó đến và gồm cả Ngày Đáo Hạn;

d) Trái Phiếu sẽ không có lãi kể từ ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu (“Ngày Đáo Hạn”) trừ khi gốc Trái Phiếu đã không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán. Trong trường hợp gốc Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán như vậy thì Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo lãi suất Trái Phiếu nêu trên (cả trước và sau khi có phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp) cho đến nhưng không bao gồm ngày mà tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu tính đến ngày đó đã được thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan và Tổ Chức Phát Hành có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác;

- |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6. Mệnh giá                            | 100.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 7. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán | 1.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Một triệu trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 8. Giá chào bán dự kiến                | 100% mệnh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 9. Phương thức tính giá                | Giá chào bán trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 10. Phương thức phân phối              | <p>(a) Đối Tượng Phát Hành</p> <p>Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông của Tổ chức phát hành tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua Trái phiếu chuyển đổi.</p> <p>Quyền mua được chuyển nhượng 01 (một) lần chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền mua Trái Phiếu theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành.</p> <p>(b) Số Lượng Trái Phiếu Được Mua</p> <p>(i) Tỷ Lệ Phát Hành: 23:1, Trái Phiếu sẽ được phát hành cho cổ đông hiện hữu của Tổ Chức Phát Hành theo tỷ lệ cứ mỗi Cổ Phần sở hữu vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ tương đương với 01 (một) quyền, cổ đông sở hữu 23 quyền mua sẽ được mua 01 Trái Phiếu.</p> <p>Tổng số Trái Phiếu mà một cổ đông được mua sẽ được xác định trên cơ sở tổng số Cổ Phần mà cổ đông đó đang nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có liên quan theo nguyên tắc làm tròn xuống số nguyên gần nhất.</p> <p>(ii) Xử Lý Phần Lẻ Thập Phân Của Trái Phiếu Và Số Lượng Trái Phiếu Không Phân Phối Hết Cho Cổ Đông: Phần lẻ thập phân của Trái Phiếu (nếu có) và số lượng Trái Phiếu mà cổ đông hiện hữu của Tổ Chức Phát Hành không mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành quyết định chào bán cho các tổ chức/cá nhân khác theo các điều kiện và điều khoản không ưu đãi hơn các điều kiện và điều khoản chào bán cho cổ đông hiện hữu của Tổ Chức Phát Hành.</p> |

11. Thời gian phân phối Trái Phiếu  
Việc phân phối Trái Phiếu sẽ được thực hiện trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy Ban chứng khoán nhà nước (“UBCKNN”) liên quan đến đợt phát hành Trái Phiếu có hiệu lực.
12. Đăng ký mua Trái Phiếu  
Thời hạn đăng ký mua: Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng
- Hồ sơ đã mua Trái Phiếu: thực hiện theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán) hoặc theo quy định của Tổ Chức Phát Hành (đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán)
- Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu, và chuyển nhượng quyền mua Trái Phiếu :
- ✓ Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền tại các thành viên lưu ký (các Công ty Chứng khoán) nơi cổ đông mở tài khoản
  - ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền tại Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon, Lầu 9-10, TMS|BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP.Hồ Chí Minh
- Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trái phiếu trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: *Không áp dụng*
13. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu  
Tại các thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu của Phương án phát hành
- Được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền lãi trái phiếu.
- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền gốc Trái Phiếu trong trường hợp không thực hiện quyền chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phiếu hoặc không thể thực hiện quyền chuyển đổi (đối với nhà đầu tư nước ngoài).
- Được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng (nhưng phải tuân thủ trường hợp hạn chế chuyển nhượng nêu trên), cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố trong các quan hệ dân sự và quan hệ tín dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành nhưng phải đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

14. Quyền ưu tiên thanh toán Trái phiếu được đảm bảo thanh toán đầy đủ gốc và lãi theo đúng quy định tại Bản cáo bạch này. Tuy nhiên trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phá sản, mất khả năng thanh toán hoặc thanh lý tài sản, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của các chủ nợ được ưu tiên khác của Tổ Chức Phát Hành (nếu có), nhưng ít nhất sẽ được xếp ngang bằng với quyền yêu cầu thanh toán của các khoản Nợ Thứ Cấp khác, cho dù đang tồn tại hay sẽ phát sinh, mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán.

15. Phương thức thực hiện quyền

#### **15.1 Quyền Chuyển Đổi**

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chuyển đổi Trái Phiếu của mình thành Cổ Phần trong Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi (theo quy định của tại điều 15.3 dưới đây) ("**Quyền Chuyển Đổi**"). Quyền Chuyển Đổi sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày kết thúc Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi.

#### **15.2 Điều Kiện Thực Hiện Quyền Chuyển Đổi**

Quyền Chuyển Đổi chỉ được thực hiện nếu tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- (a) Người Sở Hữu Trái Phiếu không thuộc đối tượng bị cấm sở hữu Cổ Phần theo quy định của pháp luật có liên quan; và
- (b) Việc thực hiện Quyền Chuyển Đổi và việc chuyển đổi Trái Phiếu thành Cổ Phần của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó không làm cho tỷ lệ sở hữu Cổ Phần trong Tổ chức Phát Hành của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó vượt quá giới hạn về sở hữu Cổ Phần theo quy định của Điều Lệ và pháp luật có liên quan.

Tổ Chức Phát Hành không chịu trách nhiệm về việc Người Sở Hữu Trái Phiếu không thực hiện được Quyền Chuyển Đổi đối với bất kỳ Trái Phiếu nào của mình do các điều kiện quy định trên đây không được thỏa mãn.

#### **15.3 Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi Và Thời Điểm Chuyển Đổi**

- (a) Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi là thời hạn vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành và Ngày Đáo Hạn, trong đó bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể thực hiện Quyền Chuyển Đổi gắn liền với Trái Phiếu của mình bằng cách gửi đề nghị bằng văn bản có hình thức và nội dung về cơ bản theo mẫu của Tổ Chức Phát Hành về việc thực hiện Quyền Chuyển Đổi cho Tổ Chức Phát Hành ("**Đề Nghị Chuyển Đổi**") và Đề Nghị Chuyển Đổi đó, nếu được gửi hợp lệ đến Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục quy định tại Điều Kiện Trái Phiếu, sẽ có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành.
- (b) Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi và mẫu Đề Nghị Chuyển Đổi

sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành quyết định và thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong thông báo về việc thực hiện Quyền Chuyển Đổi với điều kiện là Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi phải kéo dài ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc; và

- (c) Việc chuyển đổi sẽ diễn ra vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành và vào Ngày Đáo Hạn. Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số Trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời Tổ chức phát hành cũng sẽ thực hiện niêm yết bổ sung, đăng ký và lưu ký số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.

#### **15.4 Thủ Tục Chuyển Đổi**

Phụ thuộc vào pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi, việc chuyển đổi Trái Phiếu thành Cổ Phần sẽ được thực hiện theo các thủ tục sau:

- (a) *Thông Báo Về Việc Thực Hiện Quyền Chuyển Đổi:* Trước khi bắt đầu Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo bằng văn bản có hình thức và nội dung về cơ bản theo mẫu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thực hiện Quyền Chuyển Đổi.
- (b) *Đề Nghị Thực Hiện Quyền Chuyển Đổi:* Sau khi nhận được thông báo về việc thực hiện Quyền Chuyển Đổi từ Tổ Chức Phát Hành, nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn thực hiện Quyền Chuyển Đổi đối với tất cả hoặc một phần Trái Phiếu của mình, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ gửi Đề Nghị Chuyển Đổi cho Tổ Chức Phát Hành. Đề Nghị Chuyển Đổi (bản gốc, bản fax hoặc bản scan) phải được gửi cho Tổ Chức Phát Hành trước 16 giờ 30 phút ngày cuối cùng của Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi. Mặc dù đã có quy định tại câu trên, Tổ Chức Phát Hành với toàn quyền quyết định của mình, có thể xem xét và chấp thuận các Đề Nghị Chuyển Đổi được soạn không theo mẫu quy định và/hoặc được gửi không theo thủ tục quy định trên đây.
- (c) *Chốt Danh Sách Thực Hiện Quyền Chuyển Đổi:* Tổ Chức Phát Hành sẽ chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện Quyền Chuyển Đổi theo các Đề Nghị Chuyển Đổi đã nhận được hợp lệ.
- (d) *Phát Hành Cổ Phần:* Phụ thuộc vào việc Tổ Chức Phát Hành xin được mọi chấp thuận cần thiết của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát hành Cổ Phần nhằm mục đích chuyển đổi Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho những

Người Sở Hữu Trái Phiếu đã gửi Đề Nghị Chuyển Đổi về ngày phát hành Cổ Phần cho Người Sở Hữu Trái (“**Ngày Chuyển Đổi**”). Vào Ngày Chuyển Đổi, Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành Cổ Phần cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Điều Lệ, các chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan. Các Cổ Phần được phát hành như vậy sẽ có giá trị *ngang bằng* với tất cả các Cổ Phần đang lưu hành khác về tất cả các khía cạnh.

#### **15.5 Giá Chuyển Đổi**

Giá phát hành một Cổ Phần để phục vụ việc chuyển đổi Trái Phiếu (“**Giá Chuyển Đổi**”) ban đầu sẽ được tính trên cơ sở bằng 50% giá giao dịch bình quân một Cổ Phần đã điều chỉnh sau khi trả cổ tức của 90 phiên giao dịch gần nhất tính đến ngày 08/08/2014 (nhưng không thấp hơn 50% và không cao hơn 70% giá trị sổ sách tại thời điểm Quý gần nhất với thời điểm phát hành).

Giá Chuyển Đổi sẽ được điều chỉnh theo Điều Khoản Chống Pha Loãng dưới đây *với điều kiện là* tại bất kỳ thời điểm nào Giá Chuyển Đổi không được thấp hơn mệnh giá của Cổ Phần tại cùng thời điểm. Giá Chuyển Đổi của Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã chứng khoán là “**TMS**”, trong các trường hợp Tổ Chức Phát Hành:

- (a) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
- (b) Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành.
- (c) Trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc tiền mặt.

Giá Chuyển Đổi sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

**Giá chuyển đổi điều chỉnh = Giá chuyển đổi đang được áp dụng \*  $\frac{PR_t}{PR(t-1)}$ ,**

Trong đó:

- (a)  **$PR(t-1)$** : Là giá giao dịch của TMS trước ngày của các ngày hưởng các quyền nêu trên
- (b)  **$PR_t$** : Là giá giao dịch của TMS tại các ngày không hưởng các quyền trên

#### **15.6 Tỷ Lệ Chuyển Đổi**

Số Cổ Phần nhận được khi chuyển đổi một Trái Phiếu sẽ được tính theo công thức sau (“**Tỷ Lệ Chuyển Đổi**”):

$$N = \frac{M}{P}$$

Trong đó:

- (i)  $N$  là số Cổ Phần nhận được khi chuyển đổi một Trái Phiếu;
- (ii)  $M$  là mệnh giá của một Trái Phiếu và bằng 100.000 VND (một trăm nghìn đồng); và
- (iii)  $P$  là Giá Chuyển Đổi có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi,

với điều kiện là (i) tổng số Cổ Phần mà một Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được khi chuyển đổi Trái Phiếu của mình sẽ được tính trên cơ sở tổng số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đó dùng để chuyển đổi theo Đề Nghị Chuyển Đổi gửi Tổ Chức Phát Hành nhân (x) với Tỷ Lệ Chuyển Đổi và nếu không phải là số nguyên thì được làm tròn xuống số nguyên gần nhất và (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ không phát hành Cổ Phần đối với phần lẻ thập phân của Cổ Phần (nếu có) và cũng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với phần lẻ thập phân đó.

#### **15.7 Thời Gian Chuyển Đổi**

Tổ Chức Phát Hành sẽ hành động trên tinh thần thiện chí khi đưa ra các khung thời gian quy định về thời gian để chuyển đổi, Thời Hạn Đề Nghị Chuyển Đổi và Ngày Chuyển Đổi để đảm bảo rằng Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có đủ thời gian cần thiết để xin tất cả các chấp thuận cần thiết từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Người Sở Hữu Trái Phiếu đó chuyển đổi số lượng Trái Phiếu (mà đã được đề nghị chuyển đổi theo Đề Nghị Chuyển Đổi có liên quan đã được gửi cho Tổ Chức Phát Hành) của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó thành Cổ Phần.

#### **15.8 Hủy Bỏ**

Tất cả Trái Phiếu được chuyển đổi thành Cổ Phần sẽ ngay lập tức được hủy bỏ và không được tái phát hành hoặc bán lại.

#### **15.9 Quyền nhận lại gốc:**

Trong trường hợp Trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi, Tổ Chức Phát Hành trả gốc tương ứng với phần Trái Phiếu không được chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi:

- (i) Vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái Phiếu, và
- (ii) Vào ngày đáo hạn Trái Phiếu

#### **16. Cam kết về đảm bảo**

**Không áp dụng**

#### **17. Chuyển nhượng Trái Phiếu**

Trái Phiếu tự do chuyển nhượng

Tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% tổng số trái phiếu của đợt phát hành này.

Nhà đầu tư nước ngoài được khuyến cáo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với Trái Phiếu do Tổ chức phát hành công bố trước khi quyết định giao dịch trái phiếu chuyển đổi.

**18. Thuế và phí chuyển nhượng**

**18.1 Thuế**

Phần trình bày về thuế trong dưới đây dựa trên quy định của pháp luật hiện hành vào ngày phát hành bản cáo bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành bản cáo bạch này. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như tổ chức môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng.

**Thuế thu nhập cá nhân**

Theo quy định của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012, thì các thu nhập từ vốn đầu tư dưới các hình thức (trừ thu nhập từ lãi Trái Phiếu Chính phủ) và các thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (kể cả trái phiếu) đều là đối tượng phải chịu thuế.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 03/06/2008, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam được áp dụng đối với mọi tổ chức thực hiện hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh tại Việt Nam có lợi nhuận phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh đó.

Theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi Trái Phiếu sẽ được coi là một phần trong tổng doanh thu của một tổ chức trong nước và là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Thuế giá trị gia tăng**

Phát hành và chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

**18.2 Phí Chuyển Nhượng**

Tổ Chức Đăng Ký Và Quản Lý Chuyển Nhượng có quyền ấn định mức phí quản lý việc chuyển nhượng Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp phù hợp với pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường.

**19. Tổ chức Đăng ký và Quản lý Chuyển**

Tổ chức đăng ký và quản lý chuyển nhượng ("Tổ Chức Đăng Ký và Quản Lý Chuyển Nhượng") sẽ thực hiện việc đăng ký Trái Phiếu và

|                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhượng                                                        | <p>quản lý việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định của Tổ chức Phát Hành.</p> <p>Tổ Chức Đăng Ký Và Quản Lý Chuyển Nhượng ban đầu sẽ là Tổ Chức Phát Hành. Khi không tiếp tục thực hiện vai trò của Tổ Chức Đăng Ký và Quản Lý Chuyển Nhượng nữa thì Tổ Chức Phát Hành phải bổ nhiệm Tổ Chức Đăng Ký và Quản Lý Chuyển Nhượng mới và thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký ngay sau khi việc bổ nhiệm mới đó có hiệu lực. Việc bổ nhiệm Tổ Chức Đăng Ký và Quản Lý Chuyển Nhượng mới được thực hiện theo quyết định riêng của Tổ Chức Phát Hành nhưng phải đảm bảo việc bổ nhiệm đó không làm ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu.</p> |
| 20. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu | <p>Số tài khoản: 007.100.0915087</p> <p>Tên chủ tài khoản: Công Ty Cổ Phần TRANSIMEX-SAIGON</p> <p>Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

## **VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

### **1. Mục đích chào bán**

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 - 2014 ngày 18/04/2014 Công ty Cổ phần Transimex-Saigon và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 14/NQHĐQT NK14- TMS - 2014 ngày 14/08/2014, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng nhằm các mục đích: (1) Bổ sung nguồn vốn lưu động 86,5 tỷ đồng; (2) đầu tư phương tiện vận tải (01 sà lan): 13,5 tỷ đồng.

### **2. Phương án khả thi**

#### **❖ Mục đích**

- Tăng cường khả năng vận chuyển của đội sà lan nhằm tận dụng ưu thế của vận tải đường sông khi vận tải đường bộ bị kiểm soát chặt chẽ về giới hạn trọng tải vận chuyển
- Tăng cường vốn lưu động cho Công ty giúp Công ty chủ động hơn trong nguồn vốn ngắn hạn và tăng cường sức mạnh cạnh tranh so với các đối thủ khác cùng ngành

#### **❖ Cơ sở lý luận và thực tiễn**

- Vận tải đường sông ngày càng phát triển khi vận tải đường bộ bộc lộ những điểm yếu về chất lượng đường xá, kiểm soát chặt chẽ về giới hạn trọng tải, giá cước phụ thuộc nhiều biến động của giá xăng dầu. Trong khi vận tải đường sông có ưu thế về giá vận chuyển rẻ hơn so với vận tải đường bộ, có thể vận chuyển với trọng tải lớn hơn đường bộ.
- Bộ Giao thông vận tải kiểm soát ngày càng chặt chẽ hơn về giới hạn trọng tải vận chuyển để đảm bảo an toàn giao thông cũng như đảm bảo chất lượng đường xá không bị xuống cấp quá nhanh do xe vận tải quá giới hạn trọng tải cho phép.
- Đây chính là cơ hội để Công ty tận dụng và phát triển đội vận tải đường sông để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

#### **❖ Kế hoạch triển khai:**

- Công ty đang thực hiện đàm phán để ký kết hợp đồng với đối tác đóng sà lan.
- Dự kiến, sau khi huy động được nguồn vốn từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty sẽ tiến hành ký kết hợp đồng chính thức. Sà lan sẽ được nhận về sử dụng sau khoảng 5 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

#### **❖ Đối tác tham gia:** Các công ty cung cấp dịch vụ đóng mới sà lan.

#### **❖ Các vấn đề về tài chính**

- **Vốn đầu tư:** Ngay sau khi nhận được tiền huy động, Công ty sẽ thực hiện ký kết và đặt cọc thực hiện hợp đồng. Sà lan sẽ được tài trợ bằng 100% vốn chủ sở hữu của Công ty.
- **Kế hoạch kinh doanh**
  - Đối tượng đầu tư: 01 Sà lan 128 TEU (32 TEU rỗng)
  - Hình thức đầu tư: Đóng mới
  - Giá trị đầu tư: 13,5 tỷ đồng
  - Nguồn vốn: Vốn huy động từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi
  - Lãi suất dự kiến: 7%/năm

- Hệ số chất tải: 65% tương đương 125 TEU/1 roundtrip
- Hệ số vòng quay khai thác trung bình: 9 chuyến/tháng tương đương 1.125 TEU/tháng
- Doanh thu khai thác năm đầu: 450.000 đồng/TEU

**Bảng 30. Phân tích hiệu quả khai thác năm đầu tiên**

| TT | KHOẢN MỤC                                         | Số tiền<br>(Đơn vị đồng) | %/DT  | Ghi chú                          |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------|-------|----------------------------------|
| 1  | Doanh thu                                         | 6.075.000.000            |       | năm đầu tiên                     |
| 3  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 6.075.000.000            |       |                                  |
| 4  | Tổng chi phí trực tiếp                            | 1.518.750.000            | 25,0% |                                  |
|    | - Chi phí nhiên liệu DO và LO                     | 1.518.750.000            | 25,0% |                                  |
| 5  | Lợi nhuận gộp                                     | 4.556.250.000            | 75,0% |                                  |
| 6  | Tổng chi phí hoạt động                            | 3.351.450.494            | 55,2% |                                  |
|    | Chi phí lương :                                   | 420.000.000              | 6,9%  |                                  |
|    | Chi sửa chữa nhỏ                                  | 15.000.000               | 0,2%  |                                  |
|    | CP bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự (TNDS) | 191.550.000              | 3,2%  | Thân tàu K=0.85%, TNDS 32000/DWT |
|    | CP khấu hao TSCĐ                                  | 1.534.090.909            | 25,3% | Khấu hao 8 năm                   |
|    | Chi phí cảng vụ, phí cầu bến, hoa hồng            | 208.000.000              | 3,4%  |                                  |
|    | Chi phí quản lý                                   | 82.809.585               | 1,4%  |                                  |
|    | Chi phí lên đà định kỳ 2,5 năm /lần               | 144.000.000              | 2,4%  |                                  |
|    | Cp lãi trái phiếu + VAT                           | 756.000.000              | 12,4% | Lãi suất 7%                      |
| 7  | Tổng lợi nhuận trước thuế                         | 1.204.799.506            | 19,8% |                                  |
| 8  | Chi phí thuế TNDN hiện hành 22%                   | 265.055.891              | 4,4%  |                                  |
| 9  | Lợi nhuận sau thuế TNDN                           | 939.743.615              | 15,5% | Năm đầu tiên                     |

Nguồn: TMS

## **VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán**

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng.

### **2. Kế hoạch sử dụng vốn từ số tiền thu được**

Tổng số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu được Công ty sử dụng cho mục đích: (1) Bổ sung nguồn vốn lưu động 86,5 tỷ đồng; (2) đầu tư phương tiện vận tải (01 sà lan): 13,5 tỷ đồng.

- Kế hoạch giải ngân nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động: Công ty đã tiến hành rà soát nhu cầu vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại. Ngay khi nhận được nguồn vốn huy động từ đợt phát hành, Công ty sẽ triển khai đưa vốn vào sử dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kế hoạch giải ngân nhằm đầu tư phương tiện vận tải: Công ty đang thực hiện đàm phán để ký kết hợp đồng với đối tác đóng sà lan. Dự kiến ngay sau khi nhận được tiền huy động, Công ty sẽ thực hiện ký kết và đặt cọc thực hiện hợp đồng.

### **3. Kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán**

Trả gốc 01 lần vào Ngày đáo hạn trái phiếu trong trường hợp trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi hoặc không thể thực hiện chuyển đổi do giới hạn tỷ lệ nắm giữ (đối với nhà đầu tư nước ngoài)

Lãi Trái Phiếu được thanh toán 2 lần:

- (i) Lần 1 vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái Phiếu.
- (ii) Lần 2 vào ngày đáo hạn của Trái Phiếu.

Lãi phải trả được điều chỉnh theo số dư mệnh giá Trái Phiếu còn lại sau mỗi lần chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

*Ví dụ:*

Giả sử ngày phát hành là ngày 20/01/2015

- Ngày Trả Lãi: Ngày 20/01/2016, nhà đầu tư được quyền nhận lãi lần thứ 1 và quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu cho tối đa 50% số lượng trái phiếu nắm giữ.
- Ngày Đáo Hạn: Ngày 20/01/2017, nhà đầu tư được quyền nhận lãi lần thứ 2 và quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu cho số lượng trái phiếu còn lại, hoặc nhận lại gốc của số lượng trái phiếu đang nắm giữ.

Ghi chú: Nếu Ngày Phát Hành có thay đổi thì Ngày Trả Lãi và Ngày Đáo Hạn cũng thay đổi tương ứng.

### **4. Kế hoạch bố trí nguồn vốn để thanh toán gốc và lãi**

Nguồn trả gốc và lãi Trái Phiếu sẽ có thể được lấy từ tiền mặt và các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty.

### **5. Thực hiện tăng vốn để phục vụ cho việc chuyển đổi Trái Phiếu (nếu có)**

Tại thời điểm chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ phát hành một số lượng cổ

phần tương ứng với số lượng Trái Phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành cho mục đích chuyển đổi. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các thủ tục để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng tại Điều lệ Công ty và điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời, Công ty sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu này tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

## **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Tổ chức kiểm toán**

- ❖ Công ty Cổ phần kiểm toán và tư vấn (A&C)
  - Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
  - Điện thoại: (84.8) 3827 2295 Fax: (84.8) 3827 2298

### **2. Tổ chức tư vấn**

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

#### ***Trụ sở chính***

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 3556 2875 Fax: (84.4) 3556 2874  
Website: [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

## **IX. PHỤ LỤC**

- ❖ Phụ lục 1:       Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất và các lần thay đổi;
- ❖ Phụ lục 2:       Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- ❖ Phụ lục 3:       Báo cáo kiểm toán hợp nhất Công ty Cổ phần Transimex-Saigon giai đoạn 1/4/2012 đến 31/12/2012; Báo cáo kiểm toán hợp nhất Công ty Cổ phần Transimex-Saigon năm 2013, Báo cáo soát xét hợp nhất Công ty Cổ phần Transimex-Saigon

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2014

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Bùi Tuấn Ngọc**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Duy Hiệp**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Lê Văn Hùng**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Bạch Nguyễn Vũ*